

Số 7 — NĂM THỨ TÁM — NHÂM-DẪN



**LIÊN-HOÀ**  
NGUYỆT SAN

# LIÊN HOA

## NGUYỆT SAN



### MỤC LỤC SỐ 7 NĂM THỨ 8

P. L 2506 — RẪM THÁNG 7 NĂM NHÂM-DẦN (14-8-1962)

Lại một bước tiến nữa của chủ Tăng Ni V. N. *Liên Hoa*

Ngạ quĩ

*Tịnh-Như*

Em Hòa tôi (*Chuyện ngắn*)

*Phan Tâm-Cung*

Lịch-sử tư tưởng Phật-giáo

*Thích Minh-Châu*

Tiếng đàn qua (*Thơ*)

*Thạch Trung - Giả*

Chiến tranh

*Tri-Chơn dịch*

Lược khảo các tôn phái trong Phật-giáo → *Thích Nguyên-Hồng*

Vu-Lan nhớ thầy mẹ

*Nguyễn-Thái*

Luyện Tân duy thức

*Thích Mật - Nguyễn*

Bên cánh song (*Thơ*)

*Huyền-Không*

Xá - vệ

*Thích Thiện-Châu*

Thưa Sư cô

*Liên-Tâm*

Zen với văn-hóa Đông-phương và Tây-phương *Thích Thiên-Ân*

Mách thuốc

*Bác-sĩ Nam-Anh*

Tin tức

Bìa do họa-sĩ Phạm-đăng-Trí trình bày



# LẠI MỘT BƯỚC TIẾN NỮA CỦA CHƯ TĂNG NI VIỆT - NAM

LIÊN-HOÀ

Cứ mỗi năm đến rằm tháng 7, sau giờ thọ Tự-tứ chư Tăng Ni thêm một tuổi đạo. Tuổi đạo của giới tu-sĩ không dựa vào ngày tháng ở đời, mà dựa vào công đức tu hành, vào sự nghiêm trì giới luật, và thành tích tự-giác, giác - tha.

Sau 3 tháng an cư kiết hạ, nghĩa là 3 tháng an tịnh tiến tu, mài dũa trong lò giới hạnh; sau 3 tháng sách tấn tu hành, hòa mình trong đời sống tập thể, dựa trên căn bản lực-hòa, đến ngày quý vị xuất hạ, tâm trí càng thêm sáng suốt, đạo hạnh càng thêm vững vàng, quý vị đã tiến nhiều trên đường đạo pháp.

Giới Phật-tử tha thiết vì tiền đồ của Phật-giáo nước nhà, ai không hân hạnh vui sướng, thành tâm chào đón cái ngày Tự - tứ trọng đại ấy? giới Phật - tử tin chắc rồi đây, chư Tăng Ni sau khi thu thập được những thành quả tốt đẹp trong 3 tháng hạ, sẽ hăng hái tung vãi vun trồng những hạt giống đẹp lành mà quý vị đã thu hoạch được. Đó là sở nguyện tha thiết của toàn thể Phật - giáo đồ Việt - Nam.

Chắc quý vị Tăng Ni sẽ không làm thất vọng những ước nguyện chánh đáng trên. Chúng ta có thể tin tưởng như thế, vì trong quá khứ, trong hiện tại đã có nhiều vị Tăng Ni tích cực gây nhiều thành tích cao đẹp cho Phật-giáo: Có vị đã dám hy sinh thân mạng để bảo vệ tín-đồ nêu cao tinh thần đại hùng lực, đại dũng mãnh; có vị đã

không nề gian khổ, chịu thiếu thốn mọi bề, trên những vùng sơn cước, trên những miền đồng khô cỏ cháy hay chốn bùn lầy nước đọng, đề giáo hóa tín-dồ, nêu cao tinh-thần xả kỷ vị-tha; có vị đã mạnh dạng từ khước mọi quyền lợi cá nhân đồ, hoặc bình tình trước quyền lực không bố, đề giữ vững phong-độ một tu-sĩ và đường lối thuần túy của Phật-giáo; có vị ngày đêm sống âm thầm trong cô đơn vắng lặng với một lòng quả cảm, không bờ bến, không thói chuyết, đề xây dựng tương lai Phật-giáo nước nhà bằng cách trước tác phiên dịch, hay nghiên ngẫm những kế hoạch đề kiến toàn tổ chức, phát triển sự hoằng-dương chánh-pháp, xây dựng cơ sở Phật-giáo và đào tạo Tăng-tài... Chúng ta không thể kể hết được bao nhiêu hành vi quý báu vì đạo cứu đời, bao nhiêu cử chỉ thái độ cao cả oai hùng; chúng ta có thể tóm tắt rằng, chính những vị ấy đã làm nên phong trào chấn hưng Phật-giáo hiện đại.

- Nhưng đề được công bằng, vô tư trong sự kiểm xét và đề những lời tán thán trên có một giá trị đứng đắn chân thành, chúng ta không khỏi lấy làm tiếc mà nghĩ rằng, những hành vi đẹp đẽ trên sẽ còn đem lại biết bao thành quả quý báu cho Phật-giáo nước nhà, nếu bên cạnh những vị xuất gia chơn chính kia không xen lẫn một vài kẻ mới nhìn tác phong bên ngoài thôi cũng thấy chưa xứng đáng là Tu-sĩ Phật-giáo. Đó là những kẻ còn nặng lòng danh lợi, hoặc vênh vang vì một mảnh bằng hay một địa vị; đó là những kẻ không hề nghĩ đến vinh nhục tồn vong của Phật-giáo chỉ nghĩ đến cá nhân mình; Đó là những kẻ thiếu tinh thần trách nhiệm xem thường kỷ luật, xem thường nhiệm vụ của mình đối với toàn thể ở đâu họ cũng tự cho mình là quan trọng nhưng trong thực tế không làm được việc gì quan trọng cả; trái lại là khác!

Chúng ta rất tiếc: Nếu không có những hạng người trực tiếp hay gián tiếp làm tổn thương giá trị Tăng Ni như trên, thì Tăng Ni Việt - Nam sẽ tiến những bước tiến vô cùng vĩ đại trên đường hoằng pháp lợi sanh.



# NGẠ QUI

Của TỈNH NHƯ

**K**Ể nào ích kỷ, tham vọng thì đọa vào Ngạ - qui. Ngạ - qui sống bằng hung bạo và bằng đói khát. Đói khát thức ăn, đói khát dơ bẩn, đói khát dục vọng, đói khát máu lửa và đói khát bạo tàn.

Ngày nay, Ngạ - qui không những chỉ ở lưng chừng giữa núi Thiệt - Vi, ở thành Diêm - La trong rừng hoang, trên gò đống, mà còn sống lẫn lộn, chung đụng với loài người. Qui đã thể nhập vào Người và Người là hiện thân của Qui.

Thật vậy, loài người chúng ta đã tự mình trần trụi xác thịt, cấu xé và dành dặt lẫn nhau. Dày vỏ thể xác và bệnh hoạn tinh thần, con người đã lao mình vào hố dục vọng và làm một chuyển phiếu lưu vô định như loài Qui đói. Một khi thứ người Qui đã sống hỗn độn và ngang dọc khắp mặt địa cầu, thì thảm trạng đau khổ của nhân loại thật khó lòng cứu vãng. Những chữ công-bằng, bác-ái, vị-tha chỉ có giá trị đầu môi và chỉ còn là một thứ trang sức cho ngôn ngữ và văn tự con người. Lịch sử đi vào một khúc quanh đen tối và trầm trọng. Những giá trị cổ truyền bị lung lay tận gốc rễ. Con người hốt hoảng lao mình vào bánh xe cơ khí, tự đốt mình bằng lửa cuồng vọng và viết lịch sử chính mình bằng máu đồng loại của mình. Quả thật Qui La-Sát, Qui phùng cháy, Qui dâm dục, Qui ăn thịt, Qui uống máu (1) đầy rẫy khắp nơi...

Nhưng chính trong tự tâm của ta đã có sẵn Ngạ-qui gíoi cũng như đã sẵn có Nhân-gíoi, Phật-gíoi. Một ý niệm

(1) La - sát - qui, Xí - nhiên - qui, Dục - sắc - qui, Thực - nhục, Thực - huyết - qui.

phát khởi do ich kỷ, tham vọng là tâm Nga-quỉ; một ý niệm phát khởi do Từ-bi, Tri-tuệ là tâm Phật-đà. Ý niệm trước đi qua là Quỉ, ý niệm sau tiếp đến là Phật, Phật và Quỉ trong tâm đều lẫn lộn. Trong quá trình biến chuyển đó, sự thăng trầm tùy ở ta mà xảy ra từng giây phút. Và chính thứ Nga-quỉ trong ta đó mới thật là đáng sợ, bởi vì mọi thứ Nga-quỉ đói khát, ich kỷ, hung bạo biến hiện khắp ở cuộc đời là hóa thân của một loài Quỉ vi-tế ăn náu tự nội tâm. Núi Thiết-Vi dù cao, thành Diêm-La dù kín, châu Diêm-Phù dù rộng, đều xuất phát từ cứ đằm sâu kín, mệnh mỏng, vỏ tận này.

Cuộc đời càng đầy ma chướng, thì cuộc chiến đấu của chúng ta ngày hôm nay càng đẫm máu hơn bao giờ hết. Chúng ta chiến đấu ngay ở nội tâm cũng như ở ngoài cảnh để san bằng nội chướng và ngoại chướng, đem lửa Tri-tuệ Tam-muội thay thế lửa dục vọng của chính mình và của tha nhân. Sự đói khát đạo lý của loài người chúng ta mỗi ngày một trầm trọng. Lúc này chính là lúc người Phật-tử có nhiệm vụ làm một cuộc «thi thực» rộng lớn và tung vãi món ăn «pháp thực» khắp nơi.

Lẽ Vu-Lan hằng năm mang nặng ý nghĩa « báo hiếu » và cũng mang nặng ý nghĩa « xá tội vong nhân ». Nhưng tội đã từ tâm sinh thì tội cũng từ tâm diệt. Ba cõi, bốn phương đều là cha mẹ. Cảnh giới Nga - quỉ hay cảnh giới Thiên-đường đều là biển tượng của tâm thức và đều do chúng ta tạo lấy.

Trong niềm tin tưởng đó, chúng ta quả quyết đi vào cuộc đời, quét sạch hận thù với tâm nguyện Đại-bi, đánh tan Si-mê với ý chí Đại-trí và san bằng chướng ngại với tinh thần Đại - dũng. Lửa Nga - quỉ khắp nơi đang bùng cháy. Hãy góp đại nguyện để tự giải phóng mình và giải phóng kẻ khác, đưa nhau đến chân trời thanh tịnh an lạc...

# EM

## HÒA TÔI

Chuyện ngắn của Phan Tâm-Cung KBC 4.420

### « Trao về ước trăn lòng thương »

— Má cho con hai mươi đồng để con đi xem « xi nê » đi hở má, phim tối nay hay quá má ạ.

— Không được. Má tôi gặt. Tiền không có mua sách mà học, có đâu cho mày đi xem chiếu bóng.

— Không, má cho con hai mươi đồng, nếu không thì con không đi học đâu.

— Không thì tao đánh. Đề ba mầy về rồi tao mách lại cho ba mầy biết rồi mầy liệu hồn đấy.



Cứ mỗi lần Hòa — em tôi — nó đòi tiền là làm gì má tôi cũng cho, nên nó quen đi, cũng vì vậy mà mỗi lần có phim « cao bồi » là nó không chịu

bỏ qua đâu, chính tôi cũng ngán cái « ghiền » của nó.

Nhưng hôm nay má tôi không cho tiền mà còn đòi đánh đó là một điều lạ đối với Hòa.

Bữa cơm tối hôm đó nó bỏ luôn không ăn để đòi tiền má tôi.

Nhưng nó đâu đã thắng được, má tôi càng quyết liệt hơn, cắt tất cả món để ăn nó nhịn đói luôn.

Thế là hôm nay tôi lại có việc. Tôi lại một phen xin kiếm, tôi phải xin mẹ tôi tha thứ cho em tôi, cho nó cơm ăn, tôi phải dỗ dành Hòa hết sức để nó chịu ăn, tôi chỉ sợ đêm lại nó bị xỉu vì đói thì nguy to.

Hòa năm nay mới có mười hai tuổi mà nó nghịch lắm, hơn nữa nó là con út được ba má tôi chiều chuộng hết mức nên cũng vì vậy mà ra nông nổi!

Nó thì làm cái gì cũng giỏi, cũng sáng ý, học luôn luôn nó được xếp nhất nhì lớp, nhưng phải cái tội là ghiền Cinéma, sẵn bản chim chóc mà ai can ngăn cũng không nổi.

Cứ mỗi lần nó xách súng cao-su ra vườn là một lần tôi can ngăn nó, khuyên nhủ nó nên ở nhà, nhưng đều vô hiệu.

Cứ một lần nó cãi lại tôi là một lần tôi bị ba má tôi rầy la tôi ngay, cũng vì vậy mà nó chưa biết sợ tôi là gì cả.

Vì ảnh-hưởng của màn bạc, vì những đứa trẻ cùng khu phố vì sự quá nương chiều của ba má tôi, tất cả những yếu tố đó đã tạo nên một Hòa «cao bồi» mặc dầu tuổi nó còn nhỏ.

Mỗi một lần nó xách súng cao su ra vườn là hai ba

mạng chim lão đảo rơi trên bãi cỏ với những giọt máu đào thấm ướt.

Những con chim non vô tội đang nhảy múa trên cành, bỗng một viên sạn chát chúa xán vào đầu, máu rơi chim xuôi cánh lịm chết, là mỗi lần Hòa phá lên cười đắc chí, nhảy cuống cuống lên vô lý con chim đang đay-dụa rồi cười khanh khách.

Cứ mỗi lần chứng kiến cảnh tượng đó là mắt tôi nhắm lại, tôi không biết làm sao hơn, đành quay gót trở vào nhà.

Trưa hôm nay Hòa lại xách súng cao-su ra vườn, không để cho Hòa đi nữa tôi gọi lại.

— Hòa ơi em vào đây cho anh nói chuyện này tý em.

Hòa bước vào phòng tôi trên nét mặt còn lộ vẻ hiên ngang tự-đắc.

— Anh gọi em?

Tôi nhỏ nhẹ đề cho nó bớt kiêu.



— Vàng. Sao em lại đi chơi bữa trưa nắng quá vậy? vào đây anh em chúng ta nói chuyện cho vui đi.

— Em có chịu khó ngồi nghe anh nói chuyện không?

— Nghe chứ.

— Hôm nay em của anh ngoan quá, em ngồi xuống ghế chơi. Tôi vào đẽ ngay.

— Anh đỡ em, vì sao hôm qua má không cho em tiền để em đi xem Cinéma như mọi bận em biết không?

— Em không biết anh ạ, chắc má không thương em nữa chứ gì, phải không anh?

— Không phải đâu Hòa ạ. Vì một nguyên-nhân chính quan trọng chứ không phải như em tưởng đâu.

Vì sắp đến lễ Vu-lau rồi nên má không cho em tiền để phí phạm một cách vô-ích, trái lại má sẽ dùng số tiền đó là số tiền má dành dụm cùng với số gạo hủ má bỏ mấy tháng nay để đem cúng dường, để bố thí cho người nghèo nhân

ngày Vu-lan đó em ạ, Hòa hiểu chưa.

— Vu-lan là gì hả anh?

— À, Vu-lan tức là ngày Rằm tháng bảy, người ta còn gọi là ngày Tự-tứ hay là ngày báo hiếu để anh kể tiếp cho em nghe.

— Ngày xưa kia khi Đức Phật còn tại thế hay anh nói cho rõ hơn khi ngài còn sống ngài chưa nhập Niết-bàn. Một hôm có một vị đại đệ-tử của Phật là Mục-Kiền-Liên mới tu chứng được lục-thần-thông, lòng hiếu dâng lên, ngài quá thương mẹ nên ngài dùng mắt huệ tìm khắp sáu loài. Thấy mẹ ngài ở trong loài nga-quỉ đói khát khổ sở, thân hình tiêu tụy, chỉ còn da bọc lấy xương, lòng thương mẹ rạo rạt dâng tràn.

— Rồi sao nữa anh? tội quá anh nhỉ.

Vì quá thương mẹ nên ngài về lấy bình-bát cơm vận dụng thần-thông đi nhanh đến nơi dâng cơm lên từ-mẫu.

Mẹ ngài được cơm mừng quá tay phải che bát, tay trái bốc ăn, nhưng than ôi khi cơm vừa thẩu miệng thì hóa thành than lửa ăn chẳng được.

Ngài Mục-Kiền-Liên thấy vậy than khóc vô cùng trở về bạch lại với Phật.

— Bạch Đức Thế-Tôn mẹ con bị quả báo gì mà mang thân quỷ đói ăn uống chẳng được? Nay con làm sao cứu được mẹ con khỏi cảnh khổ này?

Khi đó đức Phật dạy rằng :

— Nay Mục-Kiền-Liên ! mẹ con khi còn sống tham lam độ ác, không kềm tội phước, không tin Tam-Bảo v.v... cho nên nay mang thân quỷ đói như vậy.

Dù cho lòng hiếu của con có động đến trời đất cũng không làm sao cứu mẹ con được. Chỉ có cách này:

Đến ngày Rằm tháng bảy con sắm đủ các thứ đồ dùng nào y-phục, tọa cụ, y được

cúng dường cho Chúng Tăng rồi nhờ oai lực của mười phương Đại-đức Tăng trong ba tháng tịnh-tu, đức độ cao cả chú-nguyện cho, thì mẹ con sẽ thoát khỏi cảnh khổ đói này.

Ngài Mục-Kiền-Liên vâng lời Phật dạy, về sắm đủ mọi thứ cúng dường dâng lên Chúng Tăng nhân ngày Tự-tứ và nhờ sức chú-nguyện của Chúng-Tăng và lòng chí hiếu của ngài mà mẹ ngài thoát vòng nạ-quỷ được ung-dung nơi cõi trời Đao-lợi hưởng mọi sự vui sướng.

— Hay quá anh nhĩ, rồi sao nữa anh?

— Chậm chậm rồi anh sẽ kể cho, sao em vội quá vậy?

Trong khi đó ngài Mục-Kiền-Liên về bạch lại với Phật như thế này :

— Bạch đức Thế-Tôn mẹ con nay nhờ oai lực của Chúng Tăng đã thoát khỏi cảnh quỷ đói rồi. Vậy các hàng đệ tử đời sau muốn báo hiếu, muốn cứu cha mẹ có thể vâng theo phương pháp này được chăng?

Phật dạy :

— Hay thật, chính ta muốn nói mà con lại hỏi, các hàng đệ tử đời sau vâng theo lời dạy này không những chỉ cứu được cha mẹ đời này mà còn cứu được cha mẹ trong nhiều đời nữa, nếu cha mẹ còn tại thế thì thân thể được khương an, cha mẹ đã qua đời được siêu sanh lạc-quốc.

Hòa ạ !

— Rồi từ đó đến nay các hàng đệ tử của Phật vâng theo lời dạy của Ngài cứ đến ngày Vu-lan rằm tháng bảy là sắm đủ phẩm vật cúng dường Chư Tăng, và đua nhau, bố thí làm việc phước-thiện mong làm vơi bớt phần nào đau khổ của đồng loại như má đã dành tiền và gạo vậy.

Hòa ơi !

— Chính em cũng là một đứa con bất hiếu, em đã đòi tiền đi cinéma một cách vô ích, khi mọi người đang đau khổ, em đã làm trái ý nguyện của ba má. Như vậy em có vui sướng gì không ?

Mắt Hòa dịu xuống, như nằm được cơ hội tới tiếp :

Không những mất tiền mà em còn làm cho ba má buồn lòng nữa, vì không cho em thì em khóc bỏ học bỏ hành, thế nào em cũng đòi đi cho được, em làm cho ba má không vui, bây giờ em nghĩ sao ?

— Kể từ nay em không đi xem chiếu bóng, và em không bao giờ làm trái lời ba má nữa, nhưng bù vào đó chủ nhật nào anh cũng kể cho em nghe một câu chuyện hay như hôm nay anh nhé !

Tôi xoa đầu Hòa — Em của anh ngoan quá ! Anh hứa, anh rất vui lòng kể chuyện cho em nghe và anh cố tìm những chuyện hay kể cho em nghe trong kỳ tới.

— Còn một việc nữa mà anh chưa nói.

— Việc gì hả anh.

Em thấy thế nào, khi con chim bị viên đá của em xán vào đầu, lão đảo roi xuống bãi cỏ với những giọt máu hồng ?

— Là nó sắp chết và nó phải chết chứ gì? Phải không anh.

— Em có buồn khi má không cho em tiền không?

— Em buồn lắm nhưng trưa hôm nay anh giải cho em rõ và nay em không còn buồn nữa đâu.

— Có lúc nào em đau mà em sợ chết không?

— Có chứ, mỗi lần em đau là em cứ sợ chết hoài có sao không anh?

— Đó chính là điều anh muốn nói với em. Mới đau sơ sơ mà em sợ chết, mới trái ý một tý là em buồn. Mà khi em đau thì ba chạy thuốc, má cháo cơm cho em như thế, còn con chim nó đang bay nhảy vui vẻ em lại bắn vào đầu nó một viên sạn, thì em nở lòng nào cho đành, nó cũng tham sống và sợ chết như em chứ. Em đã thấy gì chưa?

Anh thành thật nói là em quá ác Hòa à.

Em thấy không, cứ mỗi lần

thấy em như vậy là anh không tài nào mở mắt nhìn cảnh tượng ấy được nữa.

Qua một hồi suy nghĩ hai giọt lệ tự nhiên lăn trên gò má Hòa.

Tôi chỉ đợi có giờ phút đó.

— Hòa ơi! bây giờ em có thật lòng thương loài vật chưa?

— Chính hôm nay anh nhắc nhở lại em mới nhớ, mới thành thật hối lỗi và biết yêu thương loài vật, chứ từ lâu em vẫn xem là một trò vui mà thôi.

— Em có thấy không, ba má và anh cứ đến ba mươi, mồng một, mười bốn, rằm, thì đều ăn chay, đó cũng vì lòng thương chúng sanh, vì sợ chúng sanh đau khổ chết chóc vì miếng ăn của chúng ta, em nở nào tự trái lại ý ba má của em sao?

Có thực hành điều thiện như vậy, đời chúng ta mới an vui, lúc chết ta mới mong được thấy Phật nương bóng Phật về Tịnh độ chứ.

— Như vậy bấy lâu nay em ác, chắc em phải bị dọa như bà mẹ Ngài Mục-Kiền-Liên thì khổ biết mấy hã anh ?

— Không can gì đâu. Nếu từ đây em biết sửa chữa tánh nết, bỏ ác làm lành và chừa tánh cãi lầy, nghịch ngợm, thì không những tội lỗi được tiêu tan mà em còn được đức Phật thương mến nữa chứ, em cố ngoan đi.

Câu chuyện đang vui ròn thì đồng hồ nhanh nhẹn gõ hai tiếng đều đều.

Thời kỳ sau anh sẽ tiếp, em về phòng để sửa soạn đi học là vừa rồi.

Hòa bước ra khỏi phòng với cặp mắt đầy tin tưởng.



Tiếng chuông ngân từ hòa, tiếng mõ đều đều của khóa lễ Vu-lan, ba má tôi và tôi đang quỳ lạy, đang lắng mình chìm lặng trong thời kinh Báo-Ân, tất cả đang hòa đồng trong không khí

hiểu thuận và trang nghiêm của buổi lễ.

Một tiếng động nhẹ, tôi liếc nhìn, Hòa đang quỳ sau tôi hai mắt ngược lên nhìn đức Phật với tất cả tấm lòng thành thật hối lỗi ăn năn.



Khóa lễ xong tôi ghé qua bàn học của Hòa, tôi liếc mắt nhìn qua chiếc đỉnh mắc sừng cao su nó đã đi đâu mất, mấy con bướm khô trên tường nó cũng được giải thoát tự bao giờ.

Một nguồn tin tưởng tươi sáng bùng lên trong tâm trí, tôi thăm khấn:

Kính lạy đức Từ-bi gia hộ cho em tôi sớm trở thành một đứa con hiếu thảo, một Phật-tử thuần-thành.

Cám ơn đức Từ-bi, giáo-ly của Ngài đã tạo cho gia đình con cảnh đầm ấm, một cuộc sống đầy ý nghĩa, một con đường giải thoát an lạc ..

Phan Tâm-Cung  
K. B. C 4520<sup>1</sup>

# LỊCH - SỬ - TƯ - TƯỞNG PHẬT - GIÁO

Thích-Minh-Châu

(Tiếp theo)

## ĐỆ TAM KIẾT-TẬP

Đệ tam kiết tập tại Pataliputta được tập Mahāvansa ghi chép vào chương thứ 5, cuối chương thân thoại về vua Asoka (A-dục) phần lớn tài liệu lấy từ Ấn-độ, vì chúng ta tìm thấy phần lớn thuộc các sự tích thân thoại của phái Sarvāstivādinj (5) nhưng chỉ bản Pali mới ghi chép kỹ kiết-tập này. Tập Mahāvansa chép rằng, dưới triều vua Asoka, hiện đang trị vì tại Pataliputta, Giáo-hội rất hưng-thịnh. Vì vậy, các ngoại đạo đều đến chung sống với các vị Tỷ-kheo. Các ngoại đạo ấy được rõ ràng nói đến không phải là Phật-tử (134), và cũng không phải là tăng sĩ của một tôn phái nào trong Phật-giáo. Ở đây không thấy nói đến tôn phái Phật-giáo nào. Vua Asoka (A-Dục) cho mời Ngài Tissa moggaliputta, triệu tập tất cả các vị Tăng-sĩ và tâu xuất những ai trả lời sai lầm câu hỏi này của Ngài: « *Lời dạy của đức Phật là thế nào* ». Vua liền hỏi các vị Tăng-sĩ chơn-chánh và các vị này trả lời: « *Vị ấy là thuộc phái Vibhajjavādin* ». Vua Asoka lấy làm thỏa dạ và truyền họp làm lễ Uposatha (Bổ-tát) lại, và chư Tăng đều đến dự.

*Đại-đức (Tissa) lựa trong các Tăng-sĩ đến họp, 1000 vị bác-học, chúng 6 môn thắng trí, thông thuộc ba tạng giáo-điền, phân tách biệt tât, đề tồ chức một cuộc kiết-tập chánh-pháp.*

*Chính tại vườn của vua Asoka, Đại-đức Tissa lập thành cuộc kiết tập chánh-pháp. Cũng như Đại-đức Kassapa (Ca-Diếp) và Đại-đức Yasa (Da-Xá), Đại-đức Tissa cũng triệu tập cuộc kiết tập.*

*Và trong cuộc kiết tập này, Đại-đức đến tập Kathāvattu để bài bác các tôn phái khác.*

*Như vậy, dưới sự bảo trợ của vua Asoka, cuộc kiết tập này được thành tựu trong 9 tháng, nhờ công trình 1000 vị Tăng-sĩ.*

Đến năm thứ 17 của triều vua minh chánh này, lúc ngài 72 tuổi, kỳ kiết tập này bế mạc với một lễ Pavàraṇā rất lớn (Lễ tự tứ)

Tất cả những điều chúng ta được biết và kỳ kiết tập này là cuộc kiết tập được triệu họp và tập *Kathavatthu* được nói đến. Các tập ký sự sau không nói đến nữa. Ngài *Buohaddghosa* chỉ chú giải tập *Mahāvansa*, và tập *Mahābodhivayasa* nói lại những lời của Ngài.

Tập ký sự của phái *Sarvāstivādiya* (nhứt thế hữu bộ) có nhiều điểm tương đồng với tập Pali — những tập này đồng ý những điểm chính trong các điều tường thuật về đệ nhứt đệ nhị kiết tập, đầu vua Asoka được xem là lên ngôi một trăm năm chớ không phải hai trăm năm sau đức Phật Niết bàn. Cả hai tài liệu đều nói nhiều về vua A-Dục và lập lại những sự tích truyền thuyết tương tự. Cả hai đều có những danh sách giống nhau về các học phái và kinh điển được sắp đặt dưới những chương mục chánh tương tự. nhưng các vị *Saivāstivādins* không có một lời gì về đệ tam kiết tập các vị có nói đến một cuộc kiết tập dưới triều vua Asoka, nhưng đó là đệ nhị kiết tập, và có lẽ lầm lẫn Asoka với Kālāsoka ông Keru đoán rằng đệ tam kiết tập chỉ có tánh cách một học phái riêng đến nỗi không một phái nào khác được biết. Nhưng vì không một học phái nào khác được biết, chúng ta phải nghĩ đến một kết luận khác là không bao giờ có một đệ tam kiết tập (35).

Các tài liệu Pali cũng trợ giúp quan điểm ấy. Tập *Cullavagga* đều nói nhiều đến hai kỳ kiết tập đầu mà không nói gì đến đệ tam kiết tập. Điểm này thường được xem là tập *Cullavagga* được biên tập trước thời vua Asoka, nhưng cũng có thể có nghĩa là trong thời ấy, đệ tam kiết tập chưa được bịa đặt. Các bằng chứng tối sơ về kỳ kiết tập ấy chỉ được tìm thấy trong tập *Biên-niên-sử ở Tích-Lan* (*Ceylon chronicle*). Tập *Biên-niên-sử* đã có thêm sự tích một kỳ kiết tập Chánh pháp vào tập ký sự trong *Cullavagga* về đệ nhị kiết tập và đã gán sự tích đệ nhứt kiết tập được vua *Ajātasattu* đỡ đầu (A - xà - Thế) và về đệ nhị kiết tập có thêm nhiều truyền thuyết về vua *Kālāsoka*. Đó là những lý do xác đáng nêu rõ tại sao đệ nhị kiết tập được bày đặt ra dưới thời vua Asoka và đại-đức *Tissa* được xem là đã triệu tập cuộc kiết tập ấy « giống như đại-đức *Kassapa* và *Jara* đã triệu tập một kỳ kiết tập Chánh pháp. Những tập về luận tạng đều bị các học phái khác không công nhận, nhất là tập *Kathavatthu*, tập ấy chính

do đại-đức Tissa tuyên bố. Do vậy, nên cần sự ủng hộ một cuộc kiết tập và có lẽ trong trí của các vị đệ tử tự công nhận một cuộc kiết tập như vậy.

Tập chú giải của một tập luận khác tập Dhammatangani có chép một lời phản đối rằng: «*Vì sao tập Kathavatthu được công nhận. Phải chăng tập ấy được đại-đức Moggalliputta Tissa sưu tập ra hơn 218 năm sau đấng giác ngộ Niết - bàn?* » Vậy phải bác bỏ tập ấy như là lời nói của một vị đệ tử ». Cho đến uy thế của một cuộc kiết tập Chánh pháp cũng bị vị phản đối này không cho là đủ. Vị chú giải tập ấy chống đỡ bằng cách giải thích, sự biện luận về giáo pháp là do Đại đức Tissa sưu tập theo đúng phương pháp Phật dạy, còn danh sách của các giáo lý biện luận chính được đức Phật nói đến khi ngài lên thăm cõi Tam - thập Tam - thiên và giảng Chánh pháp cho thân mẫu Ngài.

Ông V. A. Smith đề ý rằng, sau khi trị vì được độ 30 năm, vua Asoka có tuyên bố một số tài liệu mới, bày sắc lệnh khắc trên trụ đá ghi chép lại những lời dạy lúc trước của mình, và tổng kết những biện pháp đã thi hành để cải cách đạo đức mà ngài rất tha thiết. Tuy vậy ông Smith lấy làm lạ vì sao không thấy nói đến kỳ kiết tập của các bậc Thượng - tọa. Bà Rhys Davids công nhận cuộc kiết tập (trang 36) nhưng phê bình rất nghiêm khắc sự chứng thực cuộc kiết tập ấy, trước hết nêu rõ các chứng cứ đều ở vào 6 hay 7 thế kỷ sau kỳ kiết tập. Bà cũng cho rằng đó là một hội nghị hơn là một cuộc kiết tập, và sự «*kiết tập Chánh pháp*» là một «*công trình tu chỉnh không lồ*», và những tu chỉnh và giám sát viên không phải 1000 mà chỉ có tám, và đề tu chỉnh tập kinh nhật tụng, nước Anh phải dùng đến 20 năm thời cuộc *kiết tập* ấy phải lâu hơn 9 tháng, và vì luận án đầu tiên trong tập *Kathavatthu* thuộc về *puggala* (con người), vấn đề quan trọng nhất được bàn cãi phải là vấn đề «*Ngã*» và «*Vô ngã*». Còn sự «*trục xuất quyết liệt những Tỷ - kheo đã thọ giót*», chỉ có thể thi hành sau kỳ kiết tập, chứ không phải là trước, như các tập *Biên-niên-sử* đã chép. Sự thật, cuộc *Kiết tập* ấy chỉ là một *Hội nghị* và mọi sự trạng trong ấy đều khác hẳn với những sự trạng đã được ghi chép.

Muốn đưa đến một kết luận nào với những tài liệu như vậy, thật rõ ràng không thể được; nhưng dầu chúng ta chắc chắn có một cuộc kiết tập Chánh pháp dưới thời đại vua Asoka, cũng không thể giúp chúng



ta tìm biết những gì thiết thực về lịch sử của đạo Phật. Điều chúng ta được biết là một tài liệu tên là Kathàvatthu «*những đề tài tranh luận*» được nói đến trong kỳ kiết tập ấy; và chúng ta có những lý do chắc chắn để quả quyết rằng tập Kathàvatthu bằng tiếng Pali mà nay chúng ta có, không phải là tập đã được bàn đến trong kỳ kiết tập ấy. Tập Kathàvatthu hiện nay rất quan trọng về vấn đề phát triển của giáo lý, nhưng chúng ta không đạt đến những kết quả đáng tin tưởng hơn, dầu cho rằng tập ấy được soạn và được đọc tại cuộc kiết tập ấy.

Có một bản dịch rất hay về tập *Kathàvatthu* với nhiều đoạn trích lục trong tập chú giải, do ông Shwe Lan Aung và bà Rhys Davids dịch. Nhưng kết quả đáng tiếc của tập tài liệu ích lợi ấy là đầy những lời ứ đoán lăm lăm, và những tham khảo cầu thủ của những học giả không chịu khó nghiên cứu bản chính và phân biệt giữa bản chính và lời chú giải. Người ta cho rằng chính đại - đức Tissa đã «*biên tập*» tài liệu ấy, dầu các vị học giả Pali không nói như vậy, và như bà Rhys Davids đã nêu rõ (trang 37) tập ấy không thể do một người soạn được. Tập ấy cũng được xem là ghi chép các học phái theo những tà giáo mà tập ấy bài bác nếu thật vậy, thì chúng ta có được những bằng chứng tối sơ khá dễ dàng tin về giáo lý của các học phái ấy. Nhưng, sự thật, không một tên học phái nào được ghi chép.

Chúng ta chỉ tìm được tên trong tập chú thích chắc chắn nhiều thế kỷ sau cuộc kiết tập. Tập chú thích ấy không những giải thích giáo lý của 17 học phái mà còn trình bày những lời bác bỏ về giáo lý được ghi trong bản chính, và nêu rõ những học phái nào đã và còn đương theo những giáo lý ấy. Nhưng 9 trong 17 học phái không được ghi đến trong khi nhiều giáo lý, gồm toàn chương của tập tài liệu, lại được gán cho các học phái ra đời sau 17 học phái chính. Chỉ có 3 trong 17 học phái tối sơ được ghi chép là «*hiện tại*» có tuân giữ một vài giáo lý. Như bà Rhys Davids đã nêu rõ, tập ấy chắc chắn được chép thêm sau này. Sự trình bày chấp nối của tập ấy nêu rõ sự sanh trưởng chậm chạp vì các tà thuyết mới có thể thêm vào và bài bác tùy theo sự cần thiết.

(Còn nữa)

# Tiếng đàn qua

Rớt qua một tiếng tơ đồng

Hình xưa bóng cũ muôn trùng dang theo

Thê thê vượn hú qua đèo

Xiết da rách thịt hồn treo tiếng đàn

Vực sâu bề thăm tình oan

Lô nhô đứng dậy kính hoàng ma thưa

Nhớ quên quên đã bao giờ

Ba thu... triệu kiếp mập mờ bên tai

Vẫn lên mây cứu trùng dài

Tiền sinh nhớ lại bên tai tiếng đàn.

Thạch Trung - Già

# CHIẾN TRANH

THÍCH TRI-CHƠN phỏng dịch

NÒI đến chiến tranh thì mọi người đều nghĩ tới nó. Nhưng chiến tranh gì? Ở đây không phải là cuộc tranh chấp vì một tư tưởng chính trị nào, cũng chẳng phải những

trận đánh xảy ra ở nước này hay nước khác, nhưng là một cuộc chiến tranh chớp nhoáng với những nạn nhân, luôn luôn thua trận là con người. Cuộc chiến tranh đó tương tự như một Hỏa - diệm - sơn mà thỉnh thoảng lửa bén trong lòng bùng lên, êm dịu một thời gian, để rồi sẽ phun hỏa trở lại và tàn phá mọi vật sống xung quanh. Không bao giờ con người chịu tìm cách dập tắt những ngọn núi lửa đó, mà họ cứ thản nhiên để tiếp tục sống trong sự đe dọa của chúng. Mọi sự đều có nguyên do hoặc một khởi điểm, và khởi điểm này cũng chỉ là kết quả của một nguyên nhân trước nữa. Hỏa-diệm-sơn chẳng khác gì cái nắp hơi bị dồn ép dưới một áp lực rất mạnh phát xuất từ trung tâm quả đất; và chiến tranh cũng có một căn do vô hình, một nguyên nhân liên tục, một mầm giống khó nhận rõ phát sinh từ lòng tham sân của con người. Con người nuôi dưỡng những độc tính ấy để tự mình phá hủy diệt vong vì chúng. Cho nên, mọi sự tàn bạo bắt nhân đều bắt nguồn từ tâm con người. Và, thật là bi đát khi nhận thấy rằng nhân loại không bao giờ tìm phương pháp để khắc phục những ác tính đó. Một cách thụ động và an phận, như tên nó lệ yếu hèn, nhân loại cứ mặc để cho những tánh tham sân, sinh ra từ vô minh của con người, hoành hành tấn công và chinh phục. Tại sao có tình trạng như thế? Bởi vì con người xưa nay tự cho đó là điều « Không thể tránh được ».

Không thể tránh được, thế thường vậy rồi. Nhưng có

điều ai cũng thấy rõ là những tính tàn bạo, sân hận trên phần nhiều được trưởng dưỡng và ngấm ngấm phát triển trong những lúc xã hội tạm an bình, sau cơn binh lửa. Chính nền hòa bình mỏng manh đó, đã tạo nên sức mạnh của chiến tranh, vì những giai đoạn hòa bình như thế chỉ là những cuộc đình chiến nhất thời; và mặc dầu tay chúng ta đã giải giới, nhưng tâm chúng ta thì chưa. Tánh tham sân nơi lòng người đâu đã thật diệt hết, như lưỡi gươm của kẻ chiến bại vừa mới tước bỏ xuống mà thôi. Muốn kết quả thì mọi ác tính tàn bạo sát hại nơi thân tâm và ý nghĩ của chúng ta phải cùng một lúc đoạn trừ tất cả. Có người chăm biếm sẽ hỏi: Thật con người có thể khắc phục được những tánh tham sân đó sao? Hỏi như vậy tức là họ đã phủ nhận hoàn toàn ý chí của con người. Trên phương diện ác và thiện, dĩ nhiên tánh nào phát triển mạnh sẽ thắng tánh kia. Và một nền hòa bình thật sự, vĩnh viễn chắc chắn chỉ có thể thực hiện ngoài những hành động ác độc xấu xa của con người. Nhưng, muốn thắng chiến tranh hay có ý nghĩ xem nó như là điều phản lại «văn minh» thì ít nhất chúng ta cần phải có một ý chí cương quyết bền bỉ, với một niềm tin mãnh liệt rằng đánh bại chiến tranh không phải là việc khó. Chỉ có ý tưởng đó, mới giúp chúng ta đủ can đảm và sức mạnh để tìm phương pháp tiêu diệt nó. Và cũng đã có biết bao người từng say sưa với lý tưởng mong thực hiện những điều cao đẹp trên mà Thánh Gandhi (Ấu-Độ) ở thời đại chúng ta là một bằng chứng. Muốn chấm dứt hận thù, tưởng nhân loại cần thấm nhuần sâu xa tư tưởng Bất-bạo-dộng của Gandhi.

... Ngày nay, qua những phát minh khoa học, chúng tổ loài người tuy đã tiến bộ nhiều, song những tánh tàn bạo nơi con người vẫn chưa diệt hết. Để thử xem những con vật với bản tính thù ghét nhau lâu đời, có thể chung sống yên ổn không, một học giả Trung-Hoa ở Gia-Nã-

Đại (Mỹ-châu) đã đem con mèo đặc biệt hung tợn nhất cùng chuồng với một con chuột rất dữ. Ông ta thấy rằng chúng cấu xé nhau luôn, và lúc nào con mèo cũng thắng cuộc. Về sau, ông ngăn hai chuồng ra, chỉ để chừa phía dưới một cái lỗ vừa đủ cho mỗi con có thể vờ đến đĩa đồ ăn mà thôi. Vì vậy, hai con buộc phải ăn chung trong một đĩa. Dần dần chúng quen biết nhau, và sự cấu xé cũng dịu bớt dần. Cuối cùng, ông để hai con sống chung như cũ, và lần này thì chúng không cắn nhau nữa. Vậy những tánh tàn bạo nơi con người có thật khó diệt trừ lắm không? Có nên bảo rằng con người cũng cần tập hòa giải thân yêu với kẻ thù của nó như trường hợp bắt béc mèo làm thân với chú chuột trên đây không? Dù sao thì cũng chỉ có một cách là phải giáo dục cho con người nhận rõ được hạnh phúc của hòa bình và giúp họ tin tưởng chắc chắn rằng hòa bình là điều có thể thực hiện, họa may lúc ấy các cuộc chiến tranh mới có thể chấm dứt dần dần được. Trước mặt những kẻ thích bạo tàn sát hại nhau, nghĩ không lợi ích mấy khi bảo họ rằng: « Các bạn đều là nhân loại ». Muốn kết quả, tưởng chúng ta nên nói với họ thế này: « Sớm chầy thế nào các bạn cũng phải gặt lấy trở lại những điều ác mà các bạn đã gieo rất cho thiên hạ, vì mọi người đều tương quan mật thiết, nên toàn thể không khỏi chịu ảnh hưởng chung của đau khổ ». Và không gì lầm lạc hơn khi chúng ta tưởng rằng con người có tâm niệm thích đánh nhau hơn là chung sống hòa bình. Ai thích chiến tranh, tốt hơn hãy cố gắng chiến thắng những tánh tham sân si nơi mình, để mong đạt đến con người thuần túy đạo đức và toàn thiện. Đến đây, thiết tưởng mọi gia-đình, trường học, quốc-gia, tôn-giáo nên bắt đầu giáo-dục cho con người hiểu rõ sự tương quan giữa các chủng tộc và toàn thể giới nhân loại. Như thế tức chúng ta đã thể hiện được tinh thần Từ - bi, cứu giúp chúng-sanh của Phật-giáo rồi vậy.

*(Trích dịch bài Xã - thuyết ở  
Tập-chí Le Pensée Buddhique).*

Lược khảo các  
Tôn-phái trong  
Phật-giáo

# PHÁP TƯỞNG TÔN

(DHARMA LA KSANA)

NGUYỄN HỒNG

## 1. — LỊCH SỬ THÀNH LẬP

Tôn này phân biệt tánh và tướng của các pháp trong vũ trụ, nên gọi là Pháp-tướng-tôn, gọi tắt là Tướng-tôn; lại chủ trương các pháp đều do thức biến nên cũng gọi là Duy-thức-tôn (Vijnanamatra).

Lý-pháp-tướng Duy-thức đã được Đức Phật giảng dạy trong các bộ kinh Đại-thừa như Hoa-Nghiêm, Giải Thâm-Mật, Lăng-Già v.v... Sau khi Phật diệt độ khoảng 900 năm, Đức Di-Lặc Bồ-tát (Maitreya) ở cung trời Đâu-Suất (Tusita) đáp lời thỉnh cầu của Vô-Trước Bồ-tát (Asanga) xuống giảng đường ở nước A - Du - Giá tức (Ayodhya) Kinh - đô nước Kasala thuộc Trung - thiên - trúc giảng Du-già-sur địa-luận (Yogacaryabhumi-sastra), Phân-biệt-du-già-luận (Vibhajyayoga-sastra), Đại-trang-nghiêm-luận (Mahavyuha-sastra) Biện-trung-biên-luận (Madhyanta-vibhaga-sastra) và Kim-cang Bát-nhã kinh - luận (Vajraprajna sutra sastra). Đó là năm bộ luận tạng làm căn bản giáo nghĩa của tôn này vậy. Trong năm bộ luận ấy thì bộ Du-già-luận gồm 100 quyển là chủ yếu hơn cả.

Về sau Ngài Vô-Trước nương học với Di-Lặc Bồ-tát, tạo thêm Hiền-dương-thánh-giáo-luận, Đại-thừa A-ti-dạt-ma-luận (Maha-aohiadharmasastra). Nhiếp Đại-thừa-luận (Mahyan-samparigrahasastra) v.v... Đề hoằng dương nghĩa lý Đại-thừa, Em Ngài là Thế-Thân (Vasubandha) sau cũng bỏ hàng

ngũ Tiểu-thừa mà về Đại-thừa, có tạo ra Duy-thức-nhi-thập-tụng (Vidyamatrasiddhi-vimsagatha), Duy-thức-tam-thập-tụng (Vidyamatrasiddhi-tridasagatha) Ngũ-uẩn-luận (Pancas-kandha-sastra) v.v.. Pháp-tướng-học từ đó đại thịnh. Sau này có các Đại-luận-sư Trần-Na (Dignaga) Hộ-Pháp (Dharmapaṇa), An-Huệ (Sthiramatra.) Nan-Đà (Nanda), Giới-Hiền (Silabhadra) v.v... Kế tục hưng khởi phát dương làm cho giáo nghĩa thêm hoàn bị.

Vào khoảng sau Phật diệt độ 1000 năm, Pháp-tướng-học bắt đầu du nhập Trung-Quốc. Lúc bấy giờ nhằm thời Lục-triều có các Ngài Bồ-Đề Lưu-Chi (Bodhiruci), Lặc-Na Ma-Đề (Ratnamati), Chơn-Đế (Paramartika) v.v... Lần lượt truyền dịch ra trong các bộ luận: Bửu-tánh, Tam - vô - tánh, Đại - thừa Duy - thức, Chuyển - thức, Nhiếp - đại - thừa v.v... Hoảng-dương giáo nghĩa Vô-Trước, Thế-Thân và thành lập ra hai tôn là Địa-luận và Nhiếp-luận.

Đến đời Đường - Thái - Tôn năm Trinh-Quang thứ ba Ngài Huyền-Trang sang Ấn-Độ, trước tham học cùng Giới-Hiền (Silabhadra) sau đến Tri-Quang (Jnanaprabha), Thắng-Quân (Prasenajit) qua năm Trinh-Quan thứ 19 thì về nước. Ngài đem chỗ sở ngộ về Pháp-tướng-học của các vị Đại-luận-sư Ấn-Độ giải thích Duy-thức-tam-thập-tụng, soạn thành Duy-thức-luận 10 quyển, Kỳ-Trung Ngài lấy tư tưởng Hộ-pháp luận-sư làm chủ yếu. Từ đó Trung-quốc biệt khai một tôn Pháp - tướng. Đệ - tử Ngài đến số ba ngàn trong đó có Thần-Phương, Gia-Thượng, Phổ-Quang, Khuy-Cơ là 4 vị thượng túc. Khuy-Cơ đại-sư theo lời dạy của Huyền-Trang, tạo thành Duy-thức-luận thuật-ký 20 quyển, ngoài ra còn làm nhiều chú sớ như các bộ Đại-thừa pháp-uyển nghĩa-lâm-chương 7 quyển. Duy - thức chương-trung-xu-yếu 4 quyển, Du - già lược - toàn 16 quyển v.v... làm cho tôn này càng thêm có qui phạm chặt chẽ.

Đồng thời còn phải kể Trung - Châu, Huệ - Chiêu, hai vị Đại-sur kế tiếp Khuy-Cơ soạn Duy-thức liêu-nghĩa-dăng 13 quyển, tạo Năng-hiền trung-biên huệ-nhứt-luận 4 quyển Người tiếp nối Huệ - Chiêu là Tri-Châu tạo Duy-thức-luận diển-bí 7 quyển và Đại - thừa nhập - đạo thứ - đệ - chương 1 quyển.

Đến đây không phải là con đường tận cùng của Pháp-tường-tôn Trung-quốc nhưng vì sau đó Trung-Hoa có loạn và Phật-giáo gặp phải ách Đường - Vũ - Tôn nên chìm đi, mãi về sau Tống, Minh mới bắt đầu phục hồi sinh khí.

(Còn nữa)

## Hồng - Phúc

— Chuyên môn chế tạo các loại nhang  
trăm do người Việt-Nam sáng chế,

— Rất tinh khiết làm vừa lòng quý  
khách xa gần.

— Chuyên bán Hương, Đèn, Trăm,  
Trà và Thực-phẩm.

**HỒNG-PHÚC**

101/ A Phan-Bội-Châu 101/ A

— H U Ế —



# VU LAN

## Nhớ Thầy Mẹ

---

*Của Nguyễn-Thái*

**C**Ó những điều suy ra vô nghĩa lý, nhưng hễ thiếu là đồ vỡ ngay. Mà thực ra, thế giới chúng ta đang sống tràn đầy những điều vô nghĩa lý và bất hạnh thay, những sự có nghĩa lý nhất lại là những điều phá hại cuộc đời: nghĩa lý của bao con số tinh vi trong máy móc giết người, của bao dự trữ đảng phái v. v... kể ra không hết!

Còn sự vô nghĩa lý kia? Chính bởi vì nó không thể chứng minh theo đòi hỏi. Chính bởi vì tâm sáng của chúng ta còn bị tù hãm trong một khuynh hướng hay quan niệm nào đó. Chứng minh là một điều đáng phì cười! Người ta quen thấy nền khoa-học áp dụng quá cụ thể dễ lầm tưởng rằng người mẹ nó là khoa-học thuần-túy cũng rõ ràng, được minh chứng như hai với hai là bốn! Chẳng khác chi nỗi mừng vui của một kẻ đơn sơ, lần đầu tiên được thấy máy móc tân kỳ, so với sự trầm lặng, băng khuáng của nhà bác-học trong phòng thí nghiệm trước bất lực của mình đối với vũ-trụ bao la. Kẻ mới học đòi chút ít về khoa-học mới dám dương dương tự đắc, la lối ngông nghênh, nhưng các bậc thầy làm ra khoa-học — như Einstein đầu thế kỷ này — thì lại khiêm nhường lo lắng nhìn vào một khoảng không còn chứa đầy huyền nhiệm và họ cố tiến mãi với nỗi lòng tìm học thay vì la hét cuồng loạn.

Hôm nay tôi muốn nghĩ đến điều vô nghĩa lý bao gồm trong hai chữ Vu-Lan, Vâng, với tri thức khoa-học

bây giờ làm sao có thể tin tưởng được một câu chuyện địa ngục. nơi đó mẹ ngài Mục-Kiền-Liên bị tù hãm khổ đau trên lửa đốt, và ngài Mục-Kiền-Liên xương thịt kia lại có thể đi vào nơi hoang đường, nhờ lòng yêu thương hiếu thảo, để cứu mẹ mình ra? Hoang đường như những dã sử. Toàn là vẻ vờ và tưởng tượng! Nhưng ngày nay đây, tại sao các mẫu chuyện anh hùng nơi trận địa, hiển minh cho máu lửa lại làm cho chúng ta thần phục, làm cho chúng ta vẻ vang thêm? Nghĩ như thế, bất giác tôi vỗ tay cái bốp và nói lớn: Không, không, chuyện ngài Mục-Kiền-Liên chẳng hoang đường tí nào! Mười mấy năm nay chúng sống trong một xã-hội đầy khói lửa và căm thù, đầy nghi kỵ và nghiệt ngã, bất công và phụ bạc, tôi bỗng thấy rằng hình ảnh địa ngục kia vẫn còn là thiên đường so với địa ngục nhân gian. Với grom giáo ta còn mong dương mịch đờ. Với lửa cháy ta còn mong thoát chạy. Với xiềng xích ta còn mong một tiếng hét lớn phá đứt ra. Nhưng trước lòng phản trắc, tham vọng của con người, thực không biết phải chống đỡ ra làm sao? — chúng ta là cây rơi trong thất lũ, là thân chuối trên vôi vôi.

Khi suy nghĩ về một lá cờ, ta cảm nhận cái vô ý nghĩa của nó: mảnh vải màu trần tráo! Nhưng chúng ta quên rằng, mảnh vải màu kia không làm nên một dân tộc, chính dân tộc đó đã làm nên lá cờ, đã thổi hà vào đó sức sống, ý nghĩa. Nó được tồn tại với một ý nghĩa tượng trưng. So thế các mẫu chuyện hoang đường, vô nghĩa lý vẫn mang đầy ý nghĩa, vì qua đó nhân cách chúng ta được thể hiện, qua đấy người ta cần nhắc tấm lòng chúng ta.

Trên đây ta nhìn qua dáng hình một mẫu chuyện. Nhưng còn nội dung của nó? — Lòng hiếu thảo. Ngày nay có vài quan niệm mới mẽ phát hiện ở xã-hội chúng ta, đang chen lấn, đang phá đổ mọi quan hệ giữa con cái với cha mẹ. Sự đó đến từ Tây phương? hay do bởi sự đòi hỏi thoát ly, tự do? (Kỳ thực tự do không phải là thoát ly.

Tự do là một ý thức, là sự cất lìa mỗi ám ảnh đen tối đang chụp dè tâm tư, là sự hiện ngang của một nhân cách biết chống đối với bất công. Tự do không phải là đi xa, là chạy trốn hay phiêu lưu). Chẳng cần tìm xem vì bị ảnh hưởng tây phương hay vì nhu cầu vật chất nơi xã hội xô bồ mà người con xua đuổi cha mẹ. Điều cần phải nói lớn là: **Những ai xem nhẹ lòng hiếu thảo là những kẻ phản bội, vô lương.** Nghĩ cho cùng, lòng hiếu là cái chi nếu không là tình thương? Nếu không là sự biết ơn với những kẻ đã làm nên sự sống cho chúng ta?

**Người ta xem nhẹ tình cha mẹ, nhưng người ta vẫn xem nặng tình vợ con, người ta vẫn xem nặng tính nô lệ đẳng phái, nô lệ cuộc đời!** Quả thực là tráo trở! Khi có thể đứng đưng, phụ bạc với kẻ ban ơn cho ta, một ngày kia con người rất có thể ruồng bỏ dễ dàng hay phản bội với lý tưởng, với tổ quốc họ, bởi họ nghe theo tiếng gọi của vật chất trước tiên.

Thực ra những kẻ khinh chống đạo đức — tôi hiểu đạo đức như một hành động nhân chính — là những kẻ mang đầy mặc cảm và sợ hãi hơn ai hết trước cuộc đời. Họ chỉ biết chối từ và chạy trốn, họ rải lên đường họ đi đầy bất mãn và phá hoại. Và thời buổi trị vì của họ là tuổi trẻ. Một mai khi luống tuổi, họ sẽ bắt đầu sờ sẫm đi vào cái nẻo thương tình nhất của mọi người, không còn một chút chống kháng. Cuộc đời họ bao gồm trong hai giai đoạn: Quấy phá và đầu hàng, thay vì tranh đấu và đạt ngộ.

Lý luận bằng tình cảm như trên đây chẳng « biện chứng chút nào! và chắc sẽ làm cho lắm người cười. Nhưng chúng ta đã đến cái tuổi không còn sợ tiếng cười khinh ngạo hay dả kích nữa, bởi vì chúng ta biết rằng: giữa

thể kỷ thứ XX này vẫn còn lại phần lớn những kẻ có học hay trí thức sách vở, lúc đứng trước một phát minh khoa-học mới mẻ hay một phương trình lý học về lượng tử hay tương-đối-tính mà họ chưa hiểu thì họ vẫn tôn trọng và tự cho mình dốt nát, nhưng khi đứng trước một bức tranh khó hiểu, trước một bài thơ trầm ầu, trước các luận lý siêu đẳng của tôn giáo thì họ lại không tự thấy mình dốt nát mà chỉ bộc lộ tính cao mạn, chê cười!

Cũng vì thế mà lễ Vu-Lan là một tượng trưng rất cần, như màu cờ hay bóng áo thoảng phất trong gió xa, nhắc nhở người lữ khách vọng về tổ quốc. Lễ Vu-Lan cần phải hiện diện mãi để thức tỉnh tình thương còn nằm ngủ trong tâm hồn, nhắc nhở chúng ta hiểu thảo với cha mẹ — những kẻ đã làm nên cuộc đời — đó là diễm khởi đầu cho một tình thương đồng loại, tổ quốc: Tình thương con Người.

Giữa hai hình ảnh: — Một cặp vợ chồng già khụ, gói ghém khăn áo để thất thểu đi vào khu dưỡng lão trông chờ, từ biệt, dành lại sự yên tĩnh cho cặp vợ chồng trẻ — con họ — ở tây phương, — và một cặp vợ chồng lưỡng tuổi sống an vui giữa đại gia đình, lúc nhúc tiêng cười trẻ nít, dĩ nhiên với tâm hồn một người Châu-Á tôi chọn hình ảnh sau.

Cô quạnh là niềm đau trong mỗi con người. Chúng ta không thể nào sống cô đơn hơn nữa, và cũng không có lòng nào làm cho kẻ khác cô đơn hơn, nhất là với những kẻ đã một thời ôm ấp nuôi dưỡng chúng ta.

Tôi tha thiết hoan nghênh và cùng đường Vu-Lan và yêu sự nhắc nhở này như yêu hình ảnh Thầy Mẹ tôi trong đêm mơ vẫn hằng an ủi, đặc diu tôi trên quảng đường đen tối, cô đơn và lắm khi khắc nghiệt này...

*Paris, Juillet 1962*

Nguyễn Thái

# LUẬN TÂN DUY THỨC

Sọan giả : THÁI HƯ ĐẠI SƯ

Dịch giả : THÍCH MẬT NGUYỄN

(Tiếp theo)

Khách rằng: Thế nào gọi là « sanh-hóa-thể thức? »

Luận rằng: Thức này rộng lớn bao hàm: thâm u nhiệm mầu, quan sát khó đến, mặc nhận chắc có. Nói tóm làm ba nghĩa:

1) Hàm-tàng-thức, nghĩa là hay dung thọ « ý-chi-tánh-thức », « liễu-biệt-cảnh-thức », các món công lực huân-tu luyện-tập, tất cả đều bao tàng trong tàng-thức. Nếu thức hàm-tàng ấy không trải qua một độ sử dụng, hóa làm công lực giống khác, thời quyết không tiêu mất, đó là nghĩa thứ nhất « năng-tàng » vậy. Lại thức hàm-tàng, mờ yếu trống trải, không có năng lực tự-giác tự-quyết, mỗi khi gặp lúc ở giữa một sanh mạng trước đã mất, một sanh mạng sau chưa đặng, thành ngay sức tiềm tàng những nghiệp lực lành dữ, mà 6 thức trước đã gây trong đó, bỗng nhiên đột khởi một sức mạnh, dẫn dắt tàng-thức đi đến một giống sanh-mạng khác; dùng thức ấy làm sanh-mạng-thể, để làm quyết định cho sanh-mạng khác, khiến phải khuất phục trùm chứa ở trong nghiệp lực kia mà sanh-mạng đã quyết định. Một sanh-mạng trước vừa mới ra khỏi, liền vào một sanh-mạng sau, sanh-mạng ấy thường bị trói buộc ẩn tàng, không được mây may tự do, đó là nghĩa thứ hai « sở-tàng » vậy. Tàng

thức lại bị ý-chí - tánh - thức ưa đắm chấp trước, chiếm cứ làm « ngã-thể » của mình, vận chuyển biến hóa những hành-tướng mà 6 thức trước tạo tác, đều nạp chứa vào trong, ấy là nghĩa thứ ba « ngã-ái-chấp-tàng » vậy. Thức hàm-tàng này tuy có 3 nghĩa, nhưng cần dùng nghĩa « ngã-ái-chấp-tàng » làm chủ.

2) Sanh - thể - thức, tức là nghĩa thức « sở-tàng » nói trên. Vì sao? Bởi vì sanh-mạng, tuy không phải do thức này quyết định, nhưng làm chủ-thể cho sanh-mạng thật tại thức này, nên gọi là « chơn-sanh-mạng-thể » vậy..

3) Chủng-nguyên-thức, tức là nghĩa thức « năng-tàng » nói trước. Do thức thể này sẵn đủ các giống năng - lực và các giống công - lực của 7 thức trước huân-tập vào trong thức này, tức là được mỗi mỗi sai biệt-liên đới xen nhau, phát sinh những bản-nhơn nguyên-chủng của các pháp về tâm, pháp về tâm tương-ưng, pháp về tâm biến-hiện, pháp về tâm bất-tương-ưng-hạnh vậy. Cái nghĩa ngã-ái-chấp-tàng trong thức này có thể lia bỏ được, khi lia bỏ được ngã-ái-chấp-tàng, thì nghĩa chủ-thể của sanh-mạng cũng lần lần lia bỏ được, cũng như tâm có thể lia bỏ chiêm bao được vậy. Còn nghĩa công - năng y-thể của chủng-nguyên, thời không trước không sau mà thường còn, cho nên cũng gọi là « y-tri bản - thức ». Sau khi đã lia bỏ ngã-ái-chấp-tàng và chủ-thể sanh - mạng, thức này cũng gọi là « thanh-tịnh vô-cấu tâm-thức ». Nếu biết được những nghĩa: sanh - hóa, chủng - nguyên, công - năng, y-tri bản-thức, thì đối với lời khách mới hỏi liền được biết ngay.

Khách rằng: Trong tàng-thức này đối với tất cả công-năng, chủng-nguyên của các pháp hiện hữu, sự thật cứu kính như thế nào?

Luận rằng: Đây hàm có nhiều nghĩa, chỉ lược phân biệt tóm tắt:

1) Sát - na sát - na biến diệt, nghĩa là trước diệt sau sanh, có công - lực mạnh mẽ, không thể lấy những pháp tử - định vô dụng có thể dừng đứng nó được.

2) Cùng với những quả của hành-tướng hiện hữu, đồng thời đồng chỗ đều có một lần, ví như huyết-bào cùng với thân thể của ta đồng có một lần, mà huyết-bào lại làm chủng-nguyên cho thân thể của ta.

3) Tùy theo thức sở-y hằng thường chuyển biến, như công năng loài nào tự dẫn dắt liên tục loài ấy không dứt, nên quyết phải y tri nơi thức này.

4) Quyết định về tánh dụng ấy, là công năng chủng-nguyên nào, quyết chỉ sanh quả tướng của hiện-hạnh chủng-nguyên ấy, như đất nếm thành đồ đất, chứ không thành đồ vàng ngọc được.

5) Cần phải đợi rất nhiều trợ-duyên, mới sanh khởi quả tướng hiện-hạnh được, như giống cần phải đợi có các duyên nước, đất, gió, mặt trời v.v... mới sanh ra lúa thóc.

Các thế lực của công năng chủng-nguyên này, trực tiếp tự thân sanh ra quả tướng hiện-hạnh của giống loại chính mình, tức đó là sanh-nhơn. Thế lực và thời hạn chưa hết, hay dắt dẫn thâm nhiếp những quả tướng hiện-hạnh còn lại khiến không đoạn tuyệt liền, tức đó là dẫn-nhơn. Các hạt giống về cỏ cây đều chỉ được làm trợ duyên tốt mà thôi, chứ không được thân sanh nhân-bản chân thật của cỏ cây. Vì những nhân-bản chân thật tức là các chất lực nguyên-tố, mà các chất lực nguyên-tố tức là do vô lượng nghiệp-hạnh cộng-đồng của các loài hữu - tình huân-tập tạng - thức sanh trưởng ra vậy. Nương theo đây dễ thấy cảnh sở-duyên của các thức, là một lý « Duy - thức » hiện ra, lại không rõ ràng lắm ư !

Khách rằng : Nghĩa « huân-tập » trong này cứu kính thế nào?

Luận rằng: Nói về « huân-tập », cần phải đủ 2 nghĩa « năng huân-tập » và « sở huân-tập » mới thành tựu được. Về nghĩa « sở huân-tập », cần phải có những tánh vĩnh-cửu, tánh bình-dẳng, tánh tự-tại, tánh rỗng dung, và có những tánh hòa hiệp cùng với « năng huân-tập » đồng thời, đồng chỗ, không tức, không ly. Cứ như đây biết rằng, chỉ có « sanh-hóa-thể thức » mới được làm « sở huân-tập » vậy. Cái nghĩa « năng huân-tập » cần phải có những tánh sanh diệt vô thường, tánh lực dụng mạnh tốt, tánh hay làm thêm bớt, cùng với « sở huân-tập » kia, có những tánh hòa hiệp đồng thời đồng chỗ, không tức không ly. Cứ như đây biết rằng, chỉ có bao nhiêu các thức và các tâm tánh trực-thuộc với tàng-thức mới được làm « năng huân-tập » vậy. Cái việc « huân-tập », ví như trong một cái nhà không có hương thơm, nếu được đốt hương thơm lên 1 lần, mùi hương tuy diệt, hơi thơm vẫn còn. Cũng như bàn tay của ta đã tẩy viết chữ, tuy trong lúc không viết, nhưng cái công năng viết chữ đã tập thành, y nhiên tồn tại. Y vào nghĩa « huân-tập » đây, khiến tất cả các thức cùng với tàng-thức xen nhau làm nhân, làm quả: Nghĩa là công năng chủng-nguyên của tàng-thức thân-sanh ra các loại thức, các loại thức lại huân-tập sanh trưởng các công năng nguyên-chủng của tàng-thức. Do đó biết được nghĩa sanh khởi của « thức », không cần phải có riêng những pháp « nương nhờ » khác, chính là « tàng-thức » và các thức xen nhau, nương nhờ làm nhân làm quả mà sanh khởi ra vậy.

Khách rằng: Hạnh-tướng liễu-biệt và cảnh-tướng sở-liễu-biệt của Sanh-hóa-thể-thức, đại khái như thế nào?

Luận rằng: Cảnh sở-liễu-biệt của thức này cũng là tánh-cảnh hiện thật. Tóm làm 3 loại:

1) Mang deo công lực, chủng-nguyên của mê làm, nghĩa là y theo tướng sai biệt với những danh-ngôn cảnh-nghĩa để rõ tướng kia, các món công-lực phân biệt các món huân-tập.



2) Y theo sức cộng-nghiệp thành thực, biến thành thế-giới của vũ-trụ. Hai món cảnh này, đều do tàng-thức lãnh lấy làm cảnh, giữ gìn không mất.

3) Y theo sức thành thực của bất - cộng - nghiệp biến thành căn-thân (5 món tịnh-sắc-căn với chỗ 5 căn y chỉ). 5 món tịnh-sắc-căn, giống như người nay phát minh những thần-kinh tế-bào, chỗ căn-y-chỉ tức là tai, mắt, mũi, lưỡi, thân bằng huyết thịt. Đây thì không những tàng-thức lãnh lấy làm cảnh, giữ gìn không mất, cũng lại thấu nhiếp làm tự-thể, khiến sanh cảm-giác lãnh thọ, an hay nguy đều chung cùng, sanh mạng nối nhau. Thế-giới và căn-thân ở đây có 4 loại khác nhau :

1) Nghĩa « cộng » của tướng-phần chủng - nghiệp biến thành, nghĩa là thân mạng của các loài hữu-tình không trực tiếp với thế-giới đang nương ở đây.

2) Nghĩa « cộng bất cộng » của tướng phần chủng-nghiệp biến thành, nghĩa là thân mạng các loài hữu tình nương ở trong những địa vực chiếm làm sở hữu, và tùy từng loại không đồng nhau, thành những cảnh giới thọ dụng riêng biệt.

3) Nghĩa « bất cộng cộng » của tướng-phần chủng-nghiệp biến thành, là như 5 món phủ-trần thô-sắc làm chỗ y cứ cho 5 căn, cũng được xen nhau để cho thân kẻ khác thọ dụng.

4) Nghĩa « bất cộng » của tướng - phần chủng - nghiệp biến thành, nghĩa là mỗi một tịnh-sắc-căn đều có thần-kinh, tế-bào ấy vậy. Phạm đầy đều nương theo lưu-chú-hóa học một lớp lên trên thành ra quả của sanh-mạng-hóa. Những chủng-nghiệp căn-thân khi-giới đây, đều là tướng-phần của tàng-thức biến hiện riêng biệt rõ ràng. Cái biết được rõ ràng « tướng-phần » là « kiến-phần ». Tướng-phần và kiến-phần đều y thức phát khởi, mà đương thể của thức gọi là « tự-chứng-phần ». Tánh bản-lai của thức

gọi là « chứng - tự - chứng - phần ». Như có người dùng tay tự đo lường bụng mình, bàn tay là năng - lượng, ví như kiến - phần. Bụng là sở - lượng, ví như tướng - phần. Người, tức là tự - chứng - phần. Bàn tay và bụng đều không lia người. Sau khi đo lường xong, tuy dụng năng - lượng sở - lượng đã hết, nhưng vì người hãy còn cái biết ngang dọc rộng dài, và số gang tay đã lường được, hiệu quả của sự đo lường không đến bỏ ửng. Nhưng khiến người xưa nay không biết được nghĩa ngang dọc rộng dài, số lượng nhiều ít, người tuy dùng bàn tay đo bụng, nhưng không tồn tại được cái kết quả đo lường bụng có mấy gang tay, cho nên phải có người bản-lai biết tâm có số lượng là « chứng - tự - chứng - phần ». Nhơn đâu biết số lượng này? Vì nhơn bản lai đã biết số lượng vậy. Nhơn đâu mà biết bản-lai biết số lượng? Vì hiện được biết số lượng vậy. Hai giống ấy đắp đổi làm sở - lượng năng - lượng và quả của năng - lượng, cho nên không cần có phần thứ 5 làm gì.

Tâm của 4 phần trên đã thành tự, nghĩa của quả ước lượng cũng được an lập. Nếu ước theo nghĩa thể, dụng, thì hiệp chứng-tự-chứng, phần làm tự-chứng-phần mà an lập 3 phần : tự-chứng-phần làm thể, kiến-phần và tướng - phần làm dụng. Ước về nghĩa năng và sở, hiệp chứng-tự-chứng và tự-chứng làm kiến-phần mà an lập 2 phần : Kiến-phần làm năng-duyên-lự, tướng-phần làm sở-duyên-lự. Ước về nghĩa nhất tâm, thì sở - kiến đã không, năng-kiến cũng không. Năng và sở đều không, chỉ là một tâm, nên không thể an lập được.

Nay căn-thân của nhơn sanh, thế-giới của vũ-trụ và chủng-tử đầu tiên của căn-thân, thế-giới đều là tướng-phần của tàng-thức bị tự-chứng-phần của tàng-thức biến hiện và kiến-phần liễu-biệt, cho nên cũng gọi là « luận Duy-thức của bản-thể vũ-trụ và nhơn sanh vậy ».

Khách rằng : Những tánh-tâm, nghiệp-tánh, thọ dụng và tướng sanh hóa, thuộc về thức này như thế nào ?

Luận rằng: Hành-tướng của thức này rất thâm ân, nên những tâm thuộc về tánh của thức này cũng rất đơn-vị. Chỉ vì muốn phổ biến thức này, nên phải mượn những tâm cảm-ứng, tâm kính-phát, tâm giác-thọ, tâm tưởng-tượng và tâm tư-lực để nói mà thôi. Thức này cùng với tâm tánh hệ thuộc, đều không phải lành không phải dữ, tuy có tội lỗi mà không dấu che, không khổ, không vui, không lo, không mừng, bình bình thường thường, thắm thắm mờ mờ, quả sanh nhưn diệt, nhưn diệt quả sanh, nhưn với quả một thời, quả và nhưn đồng chỗ, như giòng nước chảy dài, tràn ngập mãi hư không, không dứt không nghỉ. Muốn sự muôn vật cùng với tàng-thức không một không khác, thức này cùng với muôn sự muôn vật không tức không ly, cho nên chỉ tàng-thức này là gốc sanh hóa của muôn sự muôn vật vậy.

Khách rằng: Thức này hằng thường lưu-chuyển, sanh diệt nối liền, thức này cùng với những hiện-hạnh của các chủng-nguyên, thì thức này cùng với chủng-nguyên phải nên bình đẳng đồng nhau, do đâu lại có muôn vật sai khác, mà cùng thức này không phải một, không phải tức ?

Luận rằng: Thức này mờ yếu không có sức thâm quyết, tùy nơi công năng tạp loạn của thức mà sanh khởi. Lúc sanh khởi liền từ nơi chủng-nguyên của ý-chí tánh-thức, đồng khởi lên ý-chí tánh-thức, do ý-chí tánh-thức cố chấp tàng-thức làm thể tự-ngã bên trong, cho nên thức «ngã-ái-chấp-tàng» cùng «ý-chí tánh-thức» mới nương nhau đồng có. Từ vô thủy đến nay có từng giống ý-chí tánh-thức, nên thức này thành ra từng giống ngã-ái chấp-tàng. Trong đã thành căn-thân cho chính mình, ngoài cũng cộng đồng biến hiện ra thực-vật, khoáng-vật. Rồi cứ nơi sức tác động của mỗi đời mỗi đời luân-tập trong thức này, thành ra công lực của một giống «sanh-mạng-hóa», dùng làm trợ duyên tăng-thượng, hay khiến thức này chịu những giống loài sanh-mạng sai biệt; mà cái cơ sở dĩ có ra muôn sự muôn vật sai biệt như thế, tức đó là «ý-chí tánh-thức».

(Còn nữa)

# BÊN CÁNH SONG

**K**HÔNG thể làm sao tả hết lời  
Khí chiều thu vắng bóng chiều rơi  
Bao nhiêu thương nhớ với mây nước  
Lòng mẹ bao la gửi cuối trời...

Quê cũ nghìn năm quá phũ phàng  
Mà sao lòng mẹ ngập không gian  
Mùa thu mang lại niềm vui cũ  
Dù mẹ không còn giữa thế gian

Chông thoáng đâu đây xao động lòng  
Mục-Liên sóng dậy: nước sông trong  
Phù-Tang mây quện Vu-Lan đến  
Hiếu-hạnh hương về bên cánh song

Lý-trí thua rồi với tháng năm  
Ôi, tình mẹ sáng hơn trăng rằm  
Bấy nhiêu ôm trọn tình lưu luyến  
Đất lạ, Vu-Lan về viếng thăm.

*Tokyo, Vu-Lan 2506*

**Huyền - Khổng**

# XÁ VỆ

(Sarvastī)

Trích Đường về xứ Phật

THÍCH THIÊN-CHÂU

(Tiếp theo)

Kỳ-viên này thầy Pasadika nói, như chúng ta thấy qua những di tích còn lại, không phải chỉ được xây dựng trong thời Phật còn tại thế mà được tiếp tục xây dựng trong nhiều thế kỷ sau. Chính vua Asoka sau khi lên ngôi có đến thăm Kỳ-viên này. Để kỷ niệm cuộc viếng thăm, Vua cho dựng hai trụ đá cao độ 22 thước ở cửa hướng đông. Một cột có pháp luân trên đỉnh và một cột có con bò. Theo Ngài Huyền-Trang Vua Asoka còn cho xây gần đó một ngôi tháp thờ xá-lợi của Phật nữa.

Trong những thế kỷ đầu tiên sau Tây-lịch dưới triều đại Kushans, Phật-giáo được hưng thịnh thì ở đây chùa chiền và tinh-xá được trùng-tu và xây dựng thêm. Nhất thế hữu bộ (Sarvastivadin, mầm mống của Đại-thừa) cũng được thịnh hành tại chỗ này.

Dưới thời đại Guptas đầu đạo Balamôn có mạnh và muốn phá hoại Phật-giáo nhưng cảnh Kỳ-viên này vẫn được duy-trì như trước. Ngài Pháp-Hiền đến thăm Kỳ-viên vào đầu thế kỷ thứ năm được các thầy ở đây tiếp đón và rất ngạc nhiên không hiểu tại sao có người ở rất xa lại đến đây được (vì từ trước họ chưa bao giờ thấy người Hán cả) Ngài Pháp-Hiền cũng thấy hai trụ đá và một số tháp và điện dựng lên giữa hồ nước. Cây cỏ tươi tốt và hoa lá rất nhiều. Ngài cũng thấy cái lầu hai tầng, chỗ Đức Phật ở 25 năm và theo Ngài trước kia nó có

đến 7 tầng sau bị cháy và được làm lại có 2 tầng. Phần lớn những di tích mà chúng ta thấy đều được xây dựng dưới thời đại Supta.

Ngài Huyền-Trang đến thăm vào thời đại vua Harsha (606 — 647) thấy Kỳ-viên lúc ấy đã bị phế tàn, tuy các ngôi chùa và tượng Phật vẫn còn nhưng không có một vị Tỷ-kheo nào ở tại đây cả.

Sau thời Ngài Huyền-Trang viếng thăm, Phật-giáo được phục hưng tại chỗ này. Vì có nhiều tượng và bia ký được tìm thấy tại chỗ này như tượng Lokanātha Trailokyavijaya, Avalokites'vara (Quán tự tại) Simhanāda, Lokésvara, Jambhala thuộc về những thời đại sau Ngài Huyền-Trang đến và cho đến nửa thế kỷ thứ 12, nhiều chùa chiền và tinh-xá vẫn còn tồn tại ở đây. Đó là nhờ sự hộ trợ của Vua Gāhadavāla ở Kananj tên là Madanapāla và Thái-tử Govindachandra. Bia ký của thời-dại các vị này đều được tìm thấy tại đây. Sau đó, Xá-Vệ bị Vua Hồi-giáo đô hộ. Một vài di tích Hồi-giáo vẫn còn ở Xá-Vệ. Và Kỳ-viên này cũng bị tàn phá và bỏ quên. Cho đến khi Ông Cunningham tìm ra được chỗ này vào năm 1863.

Thầy Pasadika chấm dứt sau hai tiếng cảm ơn nhẹ nhàng về mặt buồn buồn.

Sau đó, đại-dức Minh-Châu, Thầy Huyền-Vi và Thầy Pasadika tản ra và đi tìm chỗ để thuyền-định. Trên đời chỉ còn một mình tôi. Như thế chúng tôi khỏi cần phải đi tìm một chỗ yên tĩnh nữa. Ngồi dựa vào một gốc cây định sau vài phút nghỉ cho khỏe rồi sẽ tĩnh tâm thuyền quán. Nhưng một nỗi buồn đến xâm chiếm tâm tư sau khi nhìn lại cảnh hoang phế trong lúc ngày sắp tàn làm cho chúng tôi không đủ sức để tập trung tư tưởng vào một mối.

Tiếng gọi nhau ra về của những nhân công sửa sang

cây cối đường sá ở đây vọng lại gọi lên trong trí tôi câu hỏi :

« Tại sao một Tông-lâm vĩ đại đã tồn tại suốt gần 16 thế-kỷ nay trở nên một nơi hoang phế và hằng ngàn chư Tăng trong các tinh-xá bây giờ chẳng có bóng nào? Câu trả lời của vị Giáo-sư Hindi ở Nalanda có thể trả lời đầy đủ cho câu hỏi trên được chăng? Giáo-sư ấy đã nói với chúng tôi: « Suốt thế kỷ 11 và thế kỷ 12 giặc Hồi-giáo chiếm cứ nước tôi và đập phá tất cả chùa chiền và tàn sát chư Tăng. Rồi tiếp đó là cuộc đò hộ gần 300 năm của người Anh là những nguyên nhân làm cho Phật-giáo ở đây mất hình thức và một vài phong tục đặc biệt ». Vị Giáo-sư ấy cho biết thêm: « Những người Ấn chúng tôi hiện nay vẫn xem Phật-giáo là một chi phái của Ấn-độ-giáo và họ vẫn thực hành lời dạy của Đức Phật nhất là hạnh Từ-bi bất-bạo-động.

Vâng, trong lịch-sử Ấn-Độ thật có những sự kiện ấy, song sự suy tàn của Phật-giáo ở đây còn do nhiều nguyên nhân khác nữa mà sự « trả thù » của Balamôn giáo là một. Chính chúng tôi đã có dịp thảo luận với ông Prasad, một học-giả đang nghiên cứu về vấn đề « Kinh-tế và tôn-giáo », ở Nalanda về nguyên nhân trên. Ông ta đồng ý với chúng tôi, « Đạo Phật vốn là đạo cách - mạng triệt để. Giáo - lý của đạo Phật đã làm cho hệ thống triết lý của Balamôn giáo lung lay và nếp sống tin ngưỡng thanh tịnh và giản dị của Phật-giáo đã làm cho Balamôn giáo lu mờ. Phật-giáo đã cải hóa rất nhiều vị vua và nhiều người trí thức chính nhiều tu-sĩ Balamôn cũng quay về với Phật - giáo. Sự việc này làm cho các vị lãnh-tụ của Balamôn giáo căm tức và đọit dọt tốt (Phật Niết - bàn đệ - tử của Ngài thiển người tài đức và nhất là nhân lúc Phật-giáo bị Hồi-giáo

phá hoại) là họ hòa theo để tìm cách làm cho Phật-giáo tiêu diệt, không thể phục hưng được nữa.

Một câu hỏi nữa được chúng tôi đặt ra: « Nói đến sự thịnh suy thì bất cứ Phật-giáo nước nào cũng có khi thịnh khi suy. Dầu bị suy biến đến đâu đi nữa cũng có lúc phục hưng được. Phật-giáo Trung-Hoa ba lần bị tiêu diệt nhưng đến nay vẫn còn được duy trì — Phật-giáo Việt-Nam suy biến nhiều trong thời kỳ nội loạn và Pháp thuộc nhưng không đến nỗi điêu tàn như Ấn-độ, một nơi sản xuất Phật-giáo và rất nhiều chùa chiền, tinh-xá, hang động vĩ đại.

Chúng tôi muốn nói đến một nguyên nhân nội tại quan trọng đã làm cho Phật-giáo mất đi một cách mau chóng và hiện nay phục hưng một cách chậm chạp. Nguyên nhân ấy là không có chư Tăng. Có lẽ sau sự giết hại chư Tăng của giặc Hồi-giáo, không còn ai dám xuất-gia để tu học và hướng dẫn cho tín-đồ nữa. Còn tín-đồ thì vì thiếu người hướng dẫn lần lần họ bằng lòng hoặc bị áp bức phải sống với tập quán phong tục của Balamôn giáo, tôn-giáo cổ của Ấn-Độ. Cho đến ngày nay, Phật-giáo ở Ấn được Chính-phủ đề ý nâng đỡ và nhiều người trí thức ca ngợi những sự phục hưng cũng chỉ nằm trong sự sửa sang các thánh tích, ấn loát lại tam tạng kinh điển, Sinh-viên học-giả nghiên cứu Phật-giáo được khuyến khích, Riêng hội Maha Bô - đề thành lập cũng đã lâu nhưng thành quả thâu hoạch về sự tổ chức và giác ngộ quần chúng cũng không nhiều cho lắm. Nguyên nhân cũng chỉ là sự thiếu bóng chư Tăng. Với dân số gần 400 triệu mà chư Tăng tài đức Ấn-Độ không quá 150 vị, phần lớn lại ở tại Assam. Và một ít ở Calcutta nên chẳng thấm thía vào đâu. Chư Tăng ngoại quốc, phần lớn là Tích-Lan, tích cực giúp đỡ Phật-giáo Ấn-Độ



nhưng vì ngôn ngữ và tập tục bất đồng nên rất khó. Gần đây, gần 1 triệu người theo gương Bác-sĩ Ambedkar qui ngưỡng Tam - bảo. Nhưng họ phải tự nâng đỡ dạy dỗ nhau chứ không được sự dắt dìu của chư Tăng. Một thanh niên Ấn-độ ngày nay muốn được xuất gia khó hơn một thanh niên Âu Mỹ. Vì không có hoàn cảnh và không khi thuận tiện như ngày xưa. — Ngay ở Nalanda không hề sinh-viên thường, chư Tăng Ấn xứ chỉ có 4 vị còn bao nhiêu là chư Tăng ngoại quốc. Hội Maha Bồ đề đang tìm cách khuyến khích giúp đỡ thanh niên Ấn xuất gia để công việc phục hưng Phật-giáo ở đây được dễ dàng và mau chóng hơn.

Đang lo buồn cho nền Phật-giáo tại nơi phát sinh ra nó thì bóng khoan thai của Thầy Pasaduka đi kinh hành trên một nền gạch cũ làm chúng tôi sực nhớ rằng Phật-giáo là chơn lý muôn phương muôn thuở. Trong khi ở đây không đủ điều kiện tốt đẹp để phát triển thì chơn lý ấy sống vững sống mạnh khắp các nước Á-châu và sanh lá, đơm hoa ở Âu Mỹ. Niềm tin tưởng vào sự sáng mạnh của Phật-giáo trong tương lai ngự trị trong lòng chúng tôi. Tiếp theo đó, Đại-đức Minh-Châu và Thầy Huyền-Vi ở dằng xa đi lại gọi lên trong tâm trí chúng tôi bản đồ Đại-Tông-Lâm Phật-giáo Việt-Nam mà chúng tôi đã có dịp được Thượng-tọa Thiện-Hòa cho xem. Tôi ước nguyện trong một ngày gần đây sẽ được vui sống và phục vụ trong một Tông-lâm qui-cử như Kỳ-viên trong quá khứ để luôn luôn được sự an ủi, dắt dìu của mình sư thiện hữu. Đó là ý nghĩ cuối cùng trước khi chúng tôi rời khỏi ngọn đồi để cùng trở về Đại-giác tự.

Ngày đã hết nhưng trời không tối vì đêm nay có trăng.

(Còn nữa)

CON đến đó ư! Sao, thì cứ thế nào, có hy vọng gì không? kỳ II này mà rớt nữa thì phạt đó!

— Thưa Cô:

« *Nhiệm vận thịnh suy vô bổ úy* ».

« *Thịnh suy như lộ*... ».

— Ấy chết, đừng có bám víu vào lời lẽ của tiền nhân để làm lệch lạc ý nghĩa...

— Thưa Cô, nhắc lại lời cũ bởi lẽ con đang bị dày vò vì cái cũ ấy. Kỳ trước, được Cô cho biết bước tiến của Phật-giáo Việt-Nam qua vài thời-đại, mà thời Lý, Trần là huỳnh hoàng nhất. Theo lời khuyên của Cô, con tìm tòi thêm đề đi sâu vào thực trạng qua các tài liệu văn chương, lịch-sử... nhất là triều Lý mà tâm tư của con bị hút vào đó nhiều hơn cả.

— Con tìm ở đâu và những tài liệu gì, kể Cô nghe thử nào!

— Về văn học, con đã đọc hai tác phẩm của Lê-văn-Siêu và Ngô-tất-Tố, về lịch-sử thì của Trần-trọng-Kim và Phạm-văn-Sơn. Trong các tài liệu ấy con thấy bất nhất... Tuồng như nhà viết sử không được vô tư cho lắm dù rằng ai cũng to tiếng mình không thiên vị...

— Khoan đã con ơi! Con chớ vội phạm bình kẻ khác mà nên nhìn lại chính con. Có thể chính con đang thiên vị đấy. Trong lúc lòng con đang nghiêng về Phật-giáo thì mỗi mỗi chút gì « động » tới đạo Phật cũng có thể làm con nhảy lên. Cô khuyên con nên bình tâm, đặt mình ra ngoài ý nghĩ riêng tư mới nhìn rõ sự việc. Đừng như con kiến quanh quẩn trên miệng chén đề rồi khép kín lòng mình lại... Cũng đừng vì tình cảm và tề hơn nữa, đừng vì xu nịnh hay tự ái tôn-giáo mà bỏ mất thiên lương... Bảo vệ tôn-giáo là một điều tốt; nhưng khư khư không chịu nghe những lời nói phải cũng không nên; mà dễ dàng xuôi theo những lời phạm bình lại là điều cần tránh. Ba nguyên tắc đã được đặt ra, bây giờ con có thể trình bày ý kiến của con.

— Thưa Cô, quả có thế. Đôi lúc, gặp những tác phẩm ca tụng Phật-giáo con thấy hài lòng, nhưng con lại ảm ức khó chịu, cố khi không tiếp tục đọc những tác-giả có ý bài bác đạo Phật. Như trường hợp của ông Phạm-văn-Sơn trong quyển Việt-sử Tân-biên, nhiều đoạn con thấy mâu thuẫn...

*Thanh có vẻ tức tối, muốn khóc. Sư cô đưa tận miệng Thanh một ly nước lạnh, vuốt mát tóc xoa ngang vai, dịu dàng:*

— Con nóng nảy quá. Từ tốn kể lại Cô nghe. Nào ông ta đã nói gì dễ làm phật lòng con?

— Ông ta bảo « Với sự bành trướng Phật-giáo và phong trào Tăng-nhân, tâm thần dân chúng rối loạn vì mê tín, thì giờ của các nhà dương cực bị phao phí vào các việc hảo huyền, sự thờ phụng phật của nhà vua thường căn cứ vào những điều không chính đáng và vụn vặt... » (1) Thế rồi ông ta phê phán: « Cả nước thành Thủy tu, đình chùa mọc như nấm khắp nơi, sinh lực quốc-gia chỉ dùng vào việc nô dịch diện đài, cuộc hưng vong của nhiều nước Đông-nam Á-châu như Chiêm-Thành, Phù-Nam, Tiêm-La, Ai-Lao và gần đây là Ấn-Độ tỏ rõ một phần lớn ảnh hưởng khốc hại của sự mê tín cuồng nhiệt tôn-giáo và các dị-doan đáng lẽ chánh-quyền lo quân-sự hóa toàn-quốc, xây dựng thành lũy phòng xâm-lãng, thiết lập học-xá trên toàn cõi để mở mang dân trí, cấu tạo các cơ quan kinh-tế, xã-hội để mưu việc cường thịnh cho nhân dân nhiều hơn... » (2)

— Sao nữa con! Cô nghe cũng hay hay, lạ lạ...

— Nhưng ông ta không khỏi ngạc nhiên khi tự hỏi « Tình trạng tôn-giáo, tín-ngưỡng, tăng-đồ dưới triều Lý đến như vậy mà nước ta còn làm nổi việc bình Chiêm, phá Tống dễ viết nên những trang sử sáng ngời đến ngày nay thì quả là điều đáng ngạc nhiên hết sức » (3)

*Đến đây Sư cô cười dòn làm Thanh bẽn lẽn cúi đầu. Sư cô đùa:*

— Và con cũng ngạc nhiên như ông ta? « Ngạc nhiên hết sức ». Và còn thắc mắc nữa. Thắc mắc không biết vì đâu mà triều Lý thịnh vượng như thế, trong lúc từ Thiên-tử chí thứ dân đều ồm ắp Phật-giáo, một tôn-giáo mà theo ông Phạm-văn-Sơn — là mê tín, cuồng nhiệt, dị đoan!

(1) Việt-sử Tân-biên trang 417.

(2) (3) Việt-sử Tân-biên trang 418.

— Thưa Cô, con không ngạc nhiên về sự thịnh vượng của triều Lý nhưng con không chịu được lời phê bình của ông cho rằng tình trạng tôn - giáo, tín - ngưỡng của triều Lý là mê-tín, cuồng nhiệt tôn-giáo.. Cũng như con không đồng ý quan điểm của ông ta khi trách vua triều Lý không « lo quân-sự hóa toàn quốc, xây dựng thành lũy phòng xâm lăng, thiết lập học-xá trên toàn cõi để mở mang dân trí, cấu tạo các cơ quan kinh - tế, xã-hội để mưu việc cường thịnh cho nhân dân nhiều hơn... » Tuồng như ông Phạm-văn-Sơn lấy tâm tình của thế kỷ XX để phê phán, chứ không phải đặt mình vào hoàn-cảnh, ý nghĩ của thời đại xa xưa ấy.. Về điểm này, con thấy ông Lê-văn-Siêu sâu sắc hơn khi ông ta..

— Khoan đã con! Đừng nên lấy chủ trương của người này để phê bình kẻ khác. « Vạn pháp duy tâm tạo ». Tâm của ông Lê-văn-Siêu không phải là tâm của Phạm-văn-Sơn. Và biết đâu ông Lê-văn-Siêu không là Phật-tử nên nói hay cho Phật-giáo ?

*Sư cô dừng lại. Thanh phụng phụ có vẻ không bằng lòng. Cái nhìn của Thanh tỏ ý trách móc: Phải chăng Sư cô biểu đồng tình với tác-giả Việt-sử Tân-biên? Hôm trước, Sư cô đề cao Phật-giáo dưới triều Lý kia mà? Thanh ngơ ngác... Chờ cho đệ - tử qua cơn sốt bất ngờ, giọng Sư cô êm dịu hơn lúc nào hết:*

— Thanh, hãy nhìn vào mắt Cô, nhìn vào tâm hồn Cô, Cô chỉ muốn con vô tư hơn và can đảm nhận lấy những thiếu sót của mình. Cô đã đọc quyển văn học thời Lý của Lê - văn - Siêu. Lấy ý kiến của ông Siêu để phê phán ông Sơn là không hợp lý luận. Đừng tìm tòi chỗ nào khác hơn là ngay chính tác giả. Bây giờ con cho Cô biết ý kiến của ông Phạm-văn-Sơn về các tiêu chuẩn kiến quốc dưới triều Lý sau đây:

- Chính trị.
- Văn hóa.
- Quân sự.

Rồi con đối chiếu với thực trạng xã-hội bấy giờ theo lịch-sử con đã học...

— Thưa Cô, trên căn bản, ông Phạm-văn Sơn đã công nhận: « Người ta đã hòa hoãn được các mâu thuẫn nội tại. Các lực lượng phong kiến yếu dần. Vương triều bắt đầu có nhiều uy thế. Sức bành trướng của dân tộc ở miền Trung-châu tiến mạnh. Kết quả tốt đẹp

này đều do các phương-pháp tổ chức kinh-tế, chính-trị, xã-hội đúng lẽ lối, nguyên-tắc căn bản là đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân và tập trung mọi lực lượng quốc-gia hướng về một mối duy nhất là sự thịnh đạt chung. Các triều đại sau này nhờ ở các khuôn nếp do Lý-triều tạo nên đưa dân tộc chúng ta mỗi ngày một đi xa trên con đường tiến hóa. Xét ra, với Lý-triều, nên quân chủ mỗi ngày một vững, và xã-hội chúng ta từ đó đã bước sang một giai đoạn lịch-sử mới mẻ và mỗi ngày thêm phần tươi sáng... » (4). Thưa Cô, đã biết thế mà ông ta còn có luận điệu : « quả là điều đáng ngạc nhiên hết sức??? »

— Sao còn lại chua cay lắm thế? Bình tĩnh đi thử nào!

— Buồn cười nhất là tha thuế cho dân mà là kém văn-minh... (Từ năm 1010 đến 1018, Lý-triều 3 lần tha thuế vào khoảng 7 năm). Ông ta viện lời của một Hiên-triết Tây-phương : « Ngạch thuế càng nhiều thì văn-minh càng tiến... ». Chao ôi! cái loại văn-minh vật chất Tây-phương đã đem đến những gì cho nhân-loại? Phải chăng là súng đạn, là máu chảy đầu rơi, là những trận thánh chiến tàn khốc? Văn-minh Tây-phương đã phụng sự hòa-bình những gì? Nhà Hiên-triết đã nói lên câu ấy ở thời nào? Thế kỷ nào? Trước hay sau nhà Lý??? Cũng may mà Lý Thái-Tò « chưa biết lẽ ấy » nếu không thì dân gian sẽ chết chum chết đồng vì sưu cao, vì thuế nặng... Trong lúc đó văn-minh Tây-phương (mà tượng trưng là nước Pháp) đang nằm vào thời kỳ chur hầu phân tranh (từ thế kỷ thứ IX đến thứ XIV) của thời Trung-cổ (Moyen âge).

— Thanh ơi! Sao hôm nay con lại hăng nhùng ấy? Con nói nhiều hơn cả cô.

— Xin lỗi Cô, cho con nói và xin đừng bắt con theo đúng mạch lạc... Nếu không nói ra, con ăm ức khó chịu.

*Sư cô cười, âu yếm nhìn Thanh vì biết rằng Thanh đã chịu khó tìm hiểu nhiều lắm.*

— Ừ, con cứ nói đi, nói cho thỏa dạ... về văn-hóa thì sao?

— Con xin đề cập đến văn-học.— Văn theo ý ông Phạm-văn-Son : « Văn-học nước ta bắt đầu từ đời Lý mới có quy mô hẳn hoi. Phật-giáo ảnh hưởng đến đời sống xã-hội của chúng ta, và có nhiều

đư âm cả trên địa hạt văn-hóa nữa bởi Phật - đồ dự phần quan trọng trong giới trí-thức trong nước bấy giờ... » (5). Thừa Cô, thế mà ông Phạm-văn-Sơn bảo rằng Triều Lý không lo việc văn-học và cả nước thành Thầy tu, đình chùa mọc như nấm khắp nơi, sinh-lực quốc-gia chỉ dùng vào việc nô dịch điện đài... đề rồi quá sức ngạc nhiên không biết vì đâu mà triều Lý đã viết nên những trang sử sáng ngời đến ngày nay?

Thưa cô, con bình tĩnh lắm, càng nói, càng bình tĩnh.

— Con ơi, cái oai hùng của Phật-giáo là ở điểm không cạnh tranh, không độc đoán. Cô muốn biết, vua quan nhà Lý có đàn áp Nho và Lão-giáo không?

— Tuyệt nhiên không. Đã không đàn áp, không dùng uy quyền để khuyh đoạt mà còn nâng đỡ... « Nhà vua, ngoài Phật-giáo, cũng rất tôn sùng Nho-giáo » (6). Nào lập văn miếu ở thành Thăng-Long, nào mở các khoa thi để chọn những người minh-kinh, bác-học. (Những khoa thi đầu tiên của nước Việt-Nam). Cái tinh thần ấy, chỉ có Phật-giáo mới có. Đến đây, con lại nhớ thời-kỳ Thánh-chiến trăm năm tại Tây phương, nhất là những vụ tàn sát vì khác tôn-giáo mà người ta đã mệnh danh là thế-kỷ máu lệ. (Siècle douloureux—Theo Unité chrétienne et Tolérance religieuse) May mà Triều Lý sinh trước thời-kỳ Thánh-chiến đó đề khỏi học đòi cái « văn minh » ấy của Tây phương nên những kẻ cầm đầu quốc-gia có một tinh thần nâng đỡ, khuyến khích, tôn sùng các tôn-giáo khác; nên suốt lịch-sử Việt-Nam, máu chưa hề chảy ra vì Phật, vì Không hay vì Lão... Cái lòng nhân ấy phải chăng là «Lòng nhân nhỏ mọn»? Cái trạng thái ấy phải chăng là trạng thái «kém văn minh»? Mở khoa thi chọn nhân tài lẽ nào không phải là chủ trương « khai hóa dân trí»? Và tha thuế đâu chỉ vì dân nghèo? Nếu tài lực của quốc-gia thiếu hụt thì làm gì có việc tha thuế? (Xin nhắc kỹ tha thuế chứ không phải bãi thuế) Chúng có hiền nhân là việc tha thuế được thực hiện nhân lễ khánh thành cung Thấu-hoa (1016) hay lúc được mùa. Tha thuế như thế mà là lòng nhân vụn vật? mà là kém văn minh?

— Ấy, con đã ra ngoài đề rồi. Đang nói về văn học con lại chạy qua Thánh-chiến rồi lui về thuế má... Con bắt Cô chạy tứ tung... Xem chừng con đang còn nóng lắm... Thôi, con đi qua ngành Kiến-Trúc đi vì chúng ta đang nằm trong phạm-vi văn-hóa...

(5) trang 419

(6) trang 419

— Vâng, nhưng trước khi qua lãnh vực Kiến-trúc, con xin nhắc mạnh nhận xét của ông Phạm-văn-Sơn «... Tóm lại, chính-trị và văn-học đời Lý đượm hai màu sắc: màu sắc quốc-gia và màu sắc Phật-giáo. Thật là một trạng thái hết sức đặc-biệt, đối với hai tiền triều Đinh, Lê (Tiền Lê) chỉ có tính cách vô biên nhờ vậy những cuộc tàn sát, những việc tiếm vị ít xảy ra tuy cũng có hai lần dưới đời vua Thái-Tông và Cao-Tông nhưng không quá khốc hại như dưới các triều sau. Như vậy cũng nên nhận là một ưu điểm của Phật-giáo». (7) Đã biết thế mà ông Phạm-văn-Sơn còn ngạc nhiên? Và nếu với sự bành trướng Phật-giáo và phong-trào Tăng nhân quả thật làm cho tâm thần dân chúng rối loạn vì sự mê tín thì làm gì có được ưu-điểm ấy?

— Thôi con...

— Dạ, về Kiến-trúc thì ngay đề mục của chương thứ VII đã nói tất cả: « Những công-trình Kiến-trúc vĩ-đại của Việt-Nam ngót 10 thế-kỷ trước: Tháp Bình-Sơn và Thành Thăng-Long » (8).

Và nếu ông Phạm-văn-Sơn cho những việc xây cất ấy là đem « sinh lực quốc-gia dùng vào việc nô-dịch điện-đài » hay « thì giờ của các nhà đương cục bị phao-phí vào các việc hảo-huẩn » và trong lúc mà « tâm-thần dân chúng rối loạn vì mê tín » thì làm gì có những công-trình Kiến-trúc vĩ-đại làm giàu kho tàng mỹ-thuật quốc-gia và để cho ông Phạm-văn-Sơn tôn-sùng, ca ngợi! Thế mà ông Phạm-văn-Sơn cũng ngạc nhiên???

Nếu xây cất đình, chùa, đền-đài mà bị liệt vào hạng đem sinh lực quốc-gia dùng vào nô-dịch điện-đài thì thế-giờ làm gì có những Angkor, Pyamides D'Egypte, Grandes murailles, những Notre dame de Paris, những và những... để cho hậu thế chiêm ngưỡng???

— Con « hàm hồ » quá! chanh chua quá! Cô muốn biết về tiêu chuẩn thứ ba.

— Thưa cô; vì con đồng ý với Lão-Tử! (9) « Làm văn-hóa mà làm thì giết muôn đời ».

(7) trang 423.

(8) trang 431.

(9) Theo Lão-Tử: « Làm thầy thuốc mà làm thì giết một người. Làm địa lý mà làm thì giết một họ. Làm chính trị mà làm thì giết một nước. Làm văn hóa mà làm thì giết muôn đời ».

Qua lãnh vực quân-sự thì, một Bạch - đằng, một Vạn - kiếp, một Đổng - đa mới chỉ là đề ngăn chặn xâm - lăng trong quốc - nội. Chứ cuộc hành quân tại châu Ung, châu Liêm đã làm cho nhà Tống kinh hồn đấm vía, chưa nói đến việc bình Chiêm, diệt loạn — Sự việc rành rành trước mắt, việc cái-tò quân-sự còn in đậm nét đến thế mà ông Phạm - văn - Sơn còn đòi gì nữa? Quân - Sự hóa toàn quốc đề làm gì? Nếu lòng dân không phục? Nếu quân-đội không có tinh-thần chiến đấu? Dưới triều Lý, nhà vua không ra lệnh quân-sự hóa toàn-quốc, mà mỗi người dân đã là người lính khi cần. Có thể mới bình Chiêm, mới phá Tống, mới làm cho ông Sơn ngạc nhiên chứ? Suốt lịch-sử Việt - Nam, đã có một giai đoạn nào oai hùng như giai đoạn triều Lý? đã có một triều đại nào đặt cơ nghiệp lâu dài và có ảnh hưởng mạnh đến đời sau như triều đại nhà Lý?

*Sư cô lắc đầu nhìn Thanh.*

— Đám hậu sinh này thật khả úy. Nãy giờ, con nói hết. Bây giờ đề cô góp ý với chứ!

*Thanh im lặng nhìn Sư cô hơi e lệ vì quá nhiều lời. Sư cô tiếp:*

— Phần Cô, Cô không nhiều lời như con... Cô chỉ nhìn vào «quả» đề biết «nhân». Cô hỏi con: Ông Phạm-văn-Sơn có phủ nhận công trình nhà Lý không? hay nói cách khác, có phủ nhận cái quả tốt đẹp của triều Lý không?

— Thưa Cô, không.

— Thế thì, trong cương vị con dân của đất nước, chắc con đã hành diện với giai đoạn lịch-sử oai hùng ấy. Điềm thứ hai, ông Sơn có công nhận dưới triều Lý, Phật-giáo đóng vai trò quan trọng trong công việc kiến quốc không?

— Thưa Cô, có.

— Thế là được rồi. Với tư cách Phật-tử, chắc con cũng thỏa mãn về sự đóng góp của đạo Phật trong Quốc-gia. «Quả» và «nhân» đã rõ ràng như ban ngày. Còn như ngạc nhiên hay không, đó là quyền của tác giả Việt-sử Tân-biên... Cô thấy nổi khổ tâm của ông Sơn: trong thế xác của ông ta đang tranh dành hai khối tinh - thần: Quốc-gia và Tôn-giáo. Với tinh-thần Quốc - gia ông ta sẵn sàng công nhận công nghiệp triều Lý. Nhưng trên bình diện Tôn-giáo, ông ta bối rối... nên mới có thể tương phản nhau như thế...



*Thanh chạy lại ôm chầm lấy Sư cô, cúi mặt vào vai Sư cô, Sư cô vuốt nhẹ mái tóc, nhỏ nhẹ :*

— Con ạ, phải tin ở nơi mình. Nhưng cũng chớ nên bỏ qua những nhận xét của kẻ khác vì đó là những bài học quý giá mà con không phải trả tiền người dạy... Có điều, con nên lưu ý là chính Phật-tử chúng ta cũng đã nhiều lần phản bội Đức Phật lắm! Giai đoạn đau thương là dưới triều Nguyễn và thời Pháp thuộc, mà cô chưa nói với con...

*Đến đây, Thanh nắm lấy tay Sư cô lắc mạnh, đôi mắt van lơn :*

— Cô kể cho con nghe đi! Lạ Cồ...

— Cô chỉ kể khi nào con kiên nhẫn hơn... Và đề tập tính kiên nhẫn ấy, Cô hẹn con lần khác...

*Sư cô cười. Thanh cũng cười theo ngoan ngoan phục tùng.*

## HƯƠNG GIẢI THOÁT

— Do Phật-học-Viện Nha-trang sản-xuất và phát hành.

— Chế tạo đủ các loại :

- **Hương bạch-đàn,**
- **Hương trầm,**
- **Hương thuốc.**

— Hiện có bán khắp các nơi.

— Dùng HƯƠNG GIẢI THOÁT được bảo đảm thơm và tinh khiết, đồng thời đề ủng hộ Phật-học-viện.



Vị nào muốn làm Đại-lý, xin liên lạc với: *Ban Quản-lý Hương-Giải-Thoát, Phật-học-Viện — NHA-TRANG.*

# ZEN VỚI VĂN-HÓA ĐÔNG- PHƯƠNG VÀ TÂY-PHƯƠNG

THÍCH THIÊN-ÂN

Except for a small minority, real understanding is lacking still between the peoples of the East and the West. Information and study are paving the way to understanding and, fortunately, we in the West are now willing to study the East more thoroughly than we have been in the past. I am afraid the East is a step ahead of us and many of its intellectuals know us well, sometimes too well (1).

PROF. KURT F. LEIDECKER, INDIANA UNIVERSITY

**CHỮ** văn-hóa là đồng-nghĩa với chữ Culture, và chữ Culture là phát-xuất từ chữ Cultivation, có nghĩa là canh-tác bồi-bổ thêm cho tốt-đẹp xinh-tươi. Cho nên chữ văn-hóa có nghĩa là canh-tác những hiện-tượng tự-nhiên để bồi-bổ phát-triển thêm cho phần tâm-linh lý-tánh. Nói một cách khác, văn-hóa là một hiện-tượng biểu-lộ cả tâm và cảnh, cả tinh và lý, cả tinh-thần và vật-chất, cả tự-nhiên và lý-tánh. Vì thế chữ văn-hóa khác với chữ văn-minh, vì chữ văn-minh là riêng chỉ cho những tiến-triển về vật-chất, còn chữ văn-hóa là gồm cả cho sự tiến-triển cả 2 phương-diện vật-chất và tinh-thần.

Theo Ông Foynbee, một nhà sử-học danh-tiếng của Anh-quốc thì văn-hóa có rất nhiều khía-cạnh, có nhiều loại khác nhau. Tuy nhiên, trong các loại văn-hóa khác

(1) Trừ một thiểu số ra, phần đông chúng ta đều thiếu sự thành thật hiểu biết giữa những người ở Đông-phương và Tây-phương. Nghiên-cứu học hiểu là con đường đưa đến những sự hiểu biết. May mắn thay cho chúng ta, những người ở Tây-phương ngày nay đều ham thích tìm hiểu về Đông-phương hơn ở các thời trước. Về điểm này, tôi có thể can đảm mà nói rằng, người Đông-phương đi trước chúng ta một bước. Những người học-giả Đông-phương đã hiểu chúng ta rất nhiều và đôi khi quá nhiều, quá tương tận về chúng ta. Đây là lời tuyên-bố của ông Kurt F. Leidecker, Giáo-sư ở viện Đại-học Indiana, dẫn trong tập chí Phật-giáo "Our Aspirations".

nhau ấy, chúng ta có thể tóm thâu trong 2 thứ là văn-hóa Đông-phương và văn-hóa Tây-phương. Ngày xưa, văn-hóa Đông-phương và văn-hóa Tây-phương là 2 thế-giới ở trên 2 khu-vực khác biệt, không có liên-hệ gì với nhau, nếu không phải là mâu-thuần nhau. Nhưng ngày nay nhờ văn-minh khoa-học mỗi ngày một tiến-bộ, các phương-tiện vận-tải giao-thông mỗi ngày một tối-tân thêm, vì thế thế-giới hình như mỗi ngày một thâu hẹp lại. Và cũng do đó, nên 2 nền văn-hóa của Đông-phương và Tây-phương thường có nhiều dịp trao-đổi ảnh-hưởng với nhau, mặc dù về tánh-chất thì mỗi nền văn-hóa có một căn-bản, một đặc-trưng khác nhau.

Thật vậy, nền văn-hóa Tây-phương là dựa trên nền-lảng khoa-học mà phát-sanh. Nền văn-hóa này là bắt nguồn từ nền triết-học cổ-dại của Greece. Nền triết-học cổ-dại này là chú-trọng ở sự phân-tích biện-minh các hình-thái của vạn-vật và do đó nên tinh-thần khoa-học phát-sanh. Tuy nói rằng khoa-học, nhưng đến thế-kỷ thứ 18 thì ở Tây-phương chỉ có một thứ khoa-học thuần-lý, khoa-học trên phương-diện học-vấn triết-lý mà thôi. Đến thế-kỷ thứ 19 trở đi, nền khoa-học ấy mới dần dần đi sâu vào khoa-học tự-nhiên, khoa-học thực-nghiệm, rồi lần-lượt tách-biệt phân-lý với các thứ khoa-học thuần-lý của các thời-dại trước.

Nguyên lai, khoa-học bao giờ cũng lấy sự vật làm đối tượng. Dựa vào sự vật, khoa-học thường cố gắng phân-tích, quan-sát, thực-nghiệm để tìm những sự giải đáp và thuyết minh hợp lý. Khoa-học bao giờ cũng chú trương xa lìa lý đoán mà đi sâu vào thực nghiệm. Mục-dịch của khoa-học là lấy sự vật làm đối tượng, rồi từ đó phóng rộng ra tìm hiểu các hiện tượng về thế-giới và nhân-sanh để tạo cho mình một nhận thức đúng đắn, không mâu thuẫn, không lệch lạc. Từ nơi phương pháp khoa-học này dần dần người ta chế tác phát minh ra những vật dụng, những tiện nghi làm cho đời sống của thế-giới loài người mỗi ngày một văn minh tiến bộ hơn về phần vật chất.

Nền văn-hóa của Tây-phương là đặt trọng-diểm vào phương-pháp khoa-học này. Trái lại, nền văn-hóa của Đông-phương là chú-trọng ở phần đạo-đức, tình-cảm và tôn-

giáo. Không nói chúng ta cũng biết rằng: các tôn-giáo trong thế-giới loài người hiện tại, hầu hết đều phát-xuất từ Đông-phương, hoặc các địa-phương gần với Đông-phương. Đây là một sự thật không ai phủ-nhận được, và đây cũng là một hành-diện cho nền văn-hóa Đông-phương, cũng như người ta thường hành-diện cho nền văn-hóa Tây-phương trên những phương-diện khoa-học tiến-bộ.

Nói một cách<sup>8</sup> khác, văn-hóa Tây-phương là hướng-ngoại, lấy tự nhiên làm đối-tượng để thực-hiện những tiêu-chuẩn mục-dịch đã định trước. Còn văn-hóa Đông-phương là hướng-nội, lấy thân tâm làm đối-tượng để khai-thác vuntut những đức-tánh sẵn có trong tâm-linh của con người. Chúng ta thấy rằng: Thân tâm của con người là vô-thường biến-dịch, sớm còn tối mất; thân tâm của con người là giả-huyền vô-ngã, do nhân-duyên hòa-hợp mà thành. Phương-pháp làm cho con người hiểu rõ chính thân tâm của mình là triết-học, là đạo-đức, là tôn-giáo, mà cũng là Zen. Zen là một phương-tiện tu-hành dạy cho con người quán-sát thân tâm vô-thường giả-huyền để đạt đến pháp-thân thanh-tịnh, chân-tâm thường-trú của mọi loài chúng sanh.

Muốn đạt đến pháp-thân thanh-tịnh, chân tâm thường-trú ấy, tất nhiên là chúng ta phải chuyên-niệm hành-tri tu-quán, nghĩa là phải tu-tập quán-sát theo với phương-pháp Zen. Nhưng muốn tu-tập quán-sát theo Zen thì trước hết phải có một lòng tin chắc chắn. Tin rằng: mình có thể thành Phật và tin rằng mọi loài chúng sanh đều có Phật-tánh, đều có thường-trú chân-tâm. Phải Zen thường dạy cho kẻ hành-giả biết rằng: Tin là mẹ đẻ của các công đức, là yếu-tố để kích thích sự tiến-tu, là nguyên nhân để tăng-trưởng trí-huệ. Không những Zen, mà đến cả các nền văn-hóa Đông-phương như văn-hóa Ấn-Độ, Trung-Hoa, Nhật-Bản v.v... cũng thường xây dựng trên quan-niệm đạo-lý, trên phương diện tôn-giáo và trên đức tin.

Nhưng có điều chúng ta cần đề ý rằng: Nếu nền văn-hóa Tây-phương chỉ chuyên trọng đến các vấn đề khoa-học, và nền văn-hóa Đông-phương chỉ đặt nền móng trên quan niệm tôn giáo, trên đức tin mà thôi, thì đó chỉ là nền văn-hóa phiến-diện, chứ chưa phải là nền văn-hóa hoàn toàn.

Vì thế vấn-đề phát-huy tinh-thần khoa-học trong nền văn-hóa Đông-phương và tô đậm màu sắc tôn-giáo trong nền văn-hóa Tây-phương là một việc rất cần thiết. Nó cần thiết là bởi có như thế mới có một sự thống nhất bao quát, một nền văn-hóa hóa hóa-hợp cả tâm và vật, cả tinh và lý, cả khoa-học và tôn-giáo. Khi đã bao-quát hóa-hợp được những tính chất này trong văn-hóa thì nền văn-hóa ấy mới thật là một nền văn-hóa hoàn toàn.

Nền văn-hóa của nhân-loại sau này phải là một nền văn-hóa hoàn-toàn ấy. Nói một cách khác, nền văn-hóa hoàn-toàn ấy phải đặc nền móng trên hai quan điểm khoa-học và tôn-giáo, phải dung hòa giữa Đông-phương và Tây-phương, và hơn nữa, phải tôn trọng con người qua cả 2 phương diện lý-trí và tình-cảm. Chúng ta thấy rằng, nền văn-hóa của nhân-loại sau này phải tôn trọng giá-trị nhân-bản, và phải giải phóng con người đến chỗ thực tiễn giải-thoát. Muốn được thế thì văn-hóa khoa-học phải là một thứ đưa con người đến hạnh phúc, đến chỗ hưởng thượng, và văn-hóa tôn-giáo phải là một thứ để con người nương vào đó mà tự giải-thoát lấy mình, một phương tiện để cứu độ nhân-loại.

Tuy-nhiên, trong 2 nền văn-hóa của khoa-học và tôn-giáo, có nhiều nhà học-giả đã xem tôn-giáo là một yếu-tố rất quan trọng. Ông Carlyle đã ví dụ tôn-giáo là một ngôi sao sáng chói bất diệt trong bầu trời tối tăm. Ông đã thường nói: Trong khi thế-giới đang ở trong đêm dày hắc-ám thì trên trời cao các ngôi sao lại càng sáng tỏ thêm lên (2). Phải chăng giai-đoạn hiện-tại là giai-đoạn mà con người đang ở trong bóng tối của vô-minh dày-đặc và đang chờ đợi một ánh sáng huyền-diệu của tôn-giáo đến giải-tỏa? Phải chăng những chiến-tranh hận-thù, những cơ-khí tối-tàn của nhân-loại ngày nay đang chờ đợi một tấm lòng từ-bi của tôn-giáo đến bủa khắp và cải-thiện?

Chúng ta vẫn biết rằng: khoa-học đã giúp ích cho con người rất nhiều, đã cung-cấp cho con người vô-số tiện-nghĩ. Nhưng nếu chỉ có khoa-học thì chỉ mới giải-quyết

(2) As the darkness of night covers the earth, the brilliance of the stars grows ever brighter in the sky.

được một phần nào về đời sống vật-chất của con người mà thôi. Vả lại, trong thế-giới này ngoài những hiện-tượng tự-nhiên, ngoài những việc tai nghe mắt thấy ra, lại còn có những vấn-đề trừu-tượng siêu-nhiên mà với trí-óc xét-đoán, với phương-pháp phân-tích, tìm-hiểu, giả-định của khoa-học không làm sao hiểu thấu được. Vì thế cho nên khoa-học không phải là một đấng vạn-năng.

Một trong các vấn-đề mà khoa-học không thể hiểu-thấu được, đó là vấn-đề nội-tại, vấn-đề tâm-linh. Vì thế nên ngoài khoa-học ra con người cần phải dựa vào tôn-giáo, phải mượn tôn-giáo làm chỗ an-thần lập-mạng, và phải lấy tôn-giáo làm phương-tiện để tìm hiểu những uẩn-khúc sâu-kín trong thân-tâm mình. Hơn nữa, con người cần phải có tôn-giáo để bảo-đảm hạnh-phúc an-ninh, lấy tôn-giáo để giải-phóng mọi sự ràng-buộc khổ-não mà hiện con người đang chịu. Nói thế không phải là chúng ta chỉ cần có một tôn-giáo, tin theo tôn-giáo một cách mù-quáng là được; trái lại, chúng ta cần phải dựa vào tinh-thần khoa-học mà đặc lòng tin thì lòng tin ấy mới chơn-chánh. Đây tức là sự gặp gỡ giữa khoa-học và tôn-giáo, mà cũng là sự hồ-tương giữa 2 nền văn-hóa Đông-phương và Tây-phương.

Ông Toynbee trong khi viết bộ «Thế-giới sử», Ông thường hướng đến 3 tiêu-điểm như sau: 1) Tin-tưởng và đề-cao quan-điểm hợp-lý của khoa-học. 2) Tôn-trọng giá-trị con người và làm cho con người được tiến-bộ giải-phóng. 3) Tránh bỏ quan-niệm địa-phương chủng-tộc mà đề-cao chủ-trương quốc-tế đại-đồng. Một nhà Sử-học mà còn có những thái-độ như thế huống nữa là một nhà tôn-giáo? Vì thế nên có một học-giả danh-tiếng của Phật-giáo ở Nhật đã nói: « Một tôn-giáo tương-lai của nhân-loại không thể không chú-ý đến những quan-điểm như sau: 1) Yêu-chuộng tự-do. 2) Tôn-trọng lý-tánh. 3) Nâng-cao giá-trị của con người. 4) Khoan-dung đối với các tôn-giáo khác » (3). Đây tức là tôn-giáo tương-lai, tôn-giáo lý-tưởng,

(3) The religion of the future cannot overlook these points: 1) Freedom of the spirit. 2) Respect for the reason. 3) Humanism. 4) Tolerance toward other religions. Đây là lời tuyên-bổ của Đại-đức Chisan Koho, một vị Thiền-sư danh-tiếng trong phái Zen ở Nhật-Bản.

cũng là một nền văn-hóa cần phải có của nhân-loại hiện-tại và sau này, trong công-việc bảo-vệ tự-do tôn-giáo tự-do tin-ngưỡng vậy.

Xưa nay, vấn-đề tự-do người ta thường quan-niệm một cách ngoại-diện. Người ta chỉ nghĩ rằng: nếu thoát-ly các sự áp-bức bất-công, thì được gọi là tự-do, nhưng rất ít người nghĩ đến vấn-đề nội-diện, tức là nghĩ đến sự giải-thoát mọi thứ phiền-não ràng-buộc trong nội-tâm. Cũng có một số người khác chỉ đặt vấn-đề tự-do trên bình-diện độc-lập và nô-lệ. Một dân-tộc bị nô-lệ với dân-tộc khác, tức là dân-tộc ấy mất quyền tự-do, một người bị lệ-thuộc vào người khác tức là người ấy mất tự-do. Vì quan-niệm như thế nên người ta chủ-trương cần phải giải-phóng dân-tộc, giải-phóng con người ra khỏi những nô-lệ và lệ-thuộc ấy. Cũng vì thế nên gần đây có nhiều nước sau khi dành được quyền độc-lập, họ thường lập lên những bản hiến-pháp lấy tự-do làm đích, như tự-do kinh-dinh, tự-do hội-hợp, tự-do báo-chí, tự-do tin-ngưỡng v. v. . . Nhưng thật ra mà nói thì người ta cần phải cố-gắng nhiều hơn nữa mới có thể thực-hiện được những mục-đích này.

Trong các vấn-đề tự-do mà người đời thường nêu ra, chúng ta thấy tự-do tin-ngưỡng, tự-do tôn-giáo là một vấn-đề rất quan trọng. Tôn-giáo là một vấn-đề hướng-nội, tôn-trọng lý-tánh, và thích ứng với nhu cầu tâm linh của con người, vì thế tự-do tôn-giáo là một vấn-đề đương-nhiên phải có. Chính đức Phật đã dạy: « Các người hãy tự chọn lấy một con đường mà đi, hãy tự mình thấp-đuốc lên » là đề-chỉ cho vấn-đề tự-do tôn-giáo này. Và chính trong phái Zen thường chú trọng đến vấn-đề tự-lực giải-thoát cũng đặt trọng-điểm vào vấn-đề tự-do tôn-giáo này.

Cho nên một tôn-giáo tương-lai của nhân-loại phải là một tôn-giáo tôn-trọng lý-tánh, tôn-trọng vấn-đề tự-do tin-ngưỡng của mỗi người. Tôn-giáo ấy là đứng trên tất cả các ngành khoa-học triết-học, đồng thời lại dung-hòa với khoa-học triết-học để hướng-dẫn các ngành ấy đến chỗ thật-ích cho nhân-loại. Phật-giáo có thể thực-hiện được mục-đích ấy không, đó là một vấn-đề lúc còn tại thế đức Phật thường nêu ra, và các vị đệ-tử của Ngài từ đời nọ qua đời kia kể

tiếp thực hành theo. Lý-tưởng duy-nhất của đạo Phật là làm cho trí-huệ của con người được tăng thêm, bằng phương pháp thực nghiệm thực-tu, bằng sự cân bằng giữa trí và tình, và bằng sự dung hòa của khoa-học và tôn-giáo. Zen là một phương pháp thực tiễn để tăng thêm cho con người về phần trí-huệ (wisdom) này.

Chúng ta thấy rằng: một tôn-giáo tương lai của nhân loại phải là một tôn-giáo thừa nhận sự tự-do tin - ngưỡng của con người. Và để thực hiện mục đích này tôn-giáo ấy phải có một thái độ khoan dung rộng rãi với các tôn-giáo, các tín ngưỡng khác. Tại sao chúng ta lại không có một quan niệm rộng rãi đối với các tôn-giáo tín-ngưỡng khác, một khi chúng ta đang đề cao những tấm lòng từ-bi cứu thế của các đấng giáo-chủ? Tại sao chúng ta lại không có một thái độ khoan dung khi hiểu rằng tôn-giáo tín-ngưỡng là một nhu cầu của từng cá nhân? — Đã nói cá nhân thì không phải nhất-luật; không phải là nhất-luật thì sự tồn tại của cá nhân, cùng sự tồn tại của các tôn-giáo khác nhau trong thế-giới này là một sự cần thiết. Đức Phật đã dạy: «Tùy bệnh mà cho thuốc». Bệnh có nhiều thứ thì thuốc cũng phải có nhiều.

Tùy theo bệnh mà có nhiều thứ thuốc, cũng như tùy theo nhu cầu của cá nhân mà có nhiều tôn-giáo, nhưng kỳ thật trong thế-giới loài người hiện tại, chúng ta có thể chia ra làm 2 thứ tôn-giáo. Một bên thì thừa nhận sự yếu hèn của con người và nhận thức những tội ác thâm-trọng của mình để cầu xin một đấng cao cả tuyệt đối đến cứu hộ giúp đỡ. Còn một bên khác thì không hướng ngoại mà lại hướng nội, không chú trọng cầu xin một đấng cao cả tuyệt-đối bên ngoài đến cứu hộ, mà tự mình dùng tự lực trí-huệ để chiếu sáng vào tâm quang, thể chứng vào tự tánh chân thật của mỗi người (4). Zen có thể chỉ cho tôn-giáo khuynh hướng nội tại, tự lực giải thoát này.

(4) Nếu đứng chung mà nhìn thì các tôn-giáo khác như Nhất-thần, Đa-thần là những tôn-giáo hướng-ngoại, tức là chú trọng về tha-lực, còn Phật-giáo là tôn-giáo hướng-nội, chú trọng về tự lực. Nhưng nếu chỉ đứng riêng về Phật-giáo thì chúng ta có thể nói rằng: Tịnh-độ-tôn là tôn-phái đặt trọng điểm vào tha-lực, còn Thiền-tôn tức là Zen thì chuyên trọng ở phần tự-lực nhiều hơn cả.



Trong 2 thứ tôn-giáo với 2 khuynh-hướng nội-tại và ngoại-tại này, tôn-giáo tương lai của nhân-loại phải là tôn-giáo để cho con người tự-do chọn lựa lấy một trong 2 khuynh-hướng này. Tự-lực hay tha-lực đó là tùy theo nhu-cầu và khả-năng của từng người. Những nhà tôn-giáo trong khi truyền đạo không ai có quyền xâm phạm đến quyền tự-do này. Quan-niệm cho vị giáo-chủ của mình đang tôn thờ là cao cả hơn tất cả các vị giáo-chủ khác là một quan-niệm đã quá thời, quan-niệm này đã gây ra bao nhiêu sự chia rẽ, bao nhiêu cảnh tàn khốc mà lịch-sử nhân-loại đã chứng minh. Những bài học lịch-sử ấy các nhà tôn-giáo phải canh cánh ghi trong lòng để gieo rải hòa-bình thịnh vượng cho nhân-loại và đem lại sự dung hòa thống-hợp giữa các tôn-giáo.

Ngoài ra, tôn-giáo tương-lai của nhân-loại phải là một tôn-giáo đặt nền móng trên nhân-bản, nghĩa là phải tôn-trọng nhân-quyền, tôn-trọng lý-tánh và tôn-trọng tự-do của con người. Tôn-giáo nhân-bản ấy tiếng Anh gọi là Humanism, tức là nhân-gian chủ-nghĩa, nhân-đạo chủ-nghĩa, mà cũng là nhân-văn chủ-nghĩa. Các tôn-giáo mặc dù phương tiện hành trì, nghi lễ và tổ chức khác nhau, nhưng tất cả cần đặt trọng điểm vào vấn-đề nhân-bản này, nếu muốn theo đúng với chân-tinh thần của các vị giáo-chủ đầy lòng từ-bi bác-ái, đầy tinh-nhân-đạo đối với các loài chúng-sanh. Văn-hóa của nhân-loại kể cả khoa-học, triết-học, nghệ-thuật đều phải xây dựng trên quan-điểm này, và đây cũng chính là sự hồ-trương giữa tôn-giáo và khoa-học, cũng là sự gặp gỡ giữa 2 nền văn-hóa Đông-phương và Tây-phương mà không có một người nào không mong muốn vậy.

Ở Tây - phương khoa - học phát triển, người ta chú trọng phân-tích những sự-tượng hiện-hữu ở giữa đời để tìm những lời giải đáp, những sự thuyết minh. Vì thế nền văn - hóa Tây - phương thường đặt trọng điểm trên quan - niệm «Hữu» (Existence). Còn ở Đông - phương thì tôn-giáo thịnh hành, người ta thường chú trọng đi tìm những sự-tượng hiện-hữu qua những quan-niệm lý-tánh siêu-nhiên. Vì thế ở Đông-phương, nền văn-hóa kể cả tôn-giáo, triết-học, đạo-dức, nghệ-thuật và thi-ca phần nhiều

đều xây dựng trên quan-niệm « Không », (Non-existence). Cũng nên nhớ rằng: quan - niệm « không » ở đây không phải là quan-niệm không vô như người đời thường tưởng, mà là một quan-niệm tuyệt đối vô hạn, một quan - niệm đôi khi dựa vào hiện hữu, nhưng đôi khi cũng vượt ra ngoài các sự tượng hiện hữu. Chính quan-niệm « không » này đã tạo ra những sắc-thái đặc biệt của nền văn-hóa Đông - phương nói chung, của tư tưởng và triết - lý Zen nói riêng.

Nền văn-hóa Đông-phương, có thể nói một cách tổng quát là cấu tạo bởi 3 nền văn-hóa của Ấn-Độ, Trung-Hoa và Nhật - Bản. Trong 3 nước này mỗi nơi có một phong-thổ, một dân-tộc tánh khác nhau. Văn-hóa Ấn-Độ là chịu ảnh hưởng nhiều với nền văn-hóa Greece và văn-hóa Aryan, nó thấm đượm nhiều màu sắc thuần-lý, triết-học và tôn-giáo. Văn-hóa Trung - Hoa thì khác với tánh chất thuần tôn-giáo của Ấn-Độ và cũng khác với tánh chất thuần triết - học của Greece, mà lại đặt trọng điểm vào nơi lễ-nghi, chú trọng hoàn toàn ở nơi phương diện hành động, Còn nền văn-hóa Nhật - Bản thì không thiên trọng về quan-niệm thuần lý (tri) của Ấn-Độ, mà cũng không cố định vào nơi phương diện hành nghi (hành) của Trung-Hoa; trái lại văn - hóa Nhật - Bản là hoàn toàn đặt căn bản vào tình cảm (tình). Tri, hành, tình là 3 đặc chất của 3 nền văn-hóa Ấn-Độ, Trung - Hoa, Nhật-Bản, và nó đã dung thông hóa hợp thành một nền văn - hóa kiểu - diễm phong-phú của Đông-phương mà người Tây-phương rất ham thích yêu chuộng.

Kết hợp bởi 3 nền văn - hóa Ấn - Độ, Trung-Hoa và Nhật-Bản, Phật-giáo ngày nay có những sắc thái đặc-biệt và luôn luôn uyển chuyển uốn mình theo dân-tộc-tánh của mỗi địa phương để thay hình đổi sắc và để làm lợi ích cho quần - chúng nhân - sanh. Trong Phật-giáo lại có phái Zen, một phương pháp tu hành thực tiễn, hòa hợp giữa 3 tánh chất là tri, hành và tình. Hơn nữa, Zen cũng là một phương tiện tu chứng để tăng trưởng tri - huệ, dung hòa giữa lý-trí và tình-cảm, giữa khoa-học và tôn-giáo, giữa Đông-phương và Tây-phương nữa. Cũng vì thế

nên ngày nay người Tây-phương rất ham thích về Zen và người Đông-phương cũng thực hành theo Zen.

Đề kết luận bài này chúng ta thấy rằng: Nếu có một số người quan-niệm « Đông-phương là Đông-phương, Tây-phương là Tây-phương. hai bên không thể gặp nhau » (5) thì chúng ta những người Phật-tử có thể quan-niệm một cách khác đi, nghĩa là chúng ta cho rằng: Đông-phương là Đông-phương, Tây-phương là Tây-phương, 2 nền văn-hóa ấy có thể dung hòa bổ túc cho nhau để tạo thành một nền văn-hóa hoàn toàn tiến bộ cho nhân-loại (6). Zen là một phương-pháp thực hành của tôn-giáo, nhưng rất thích hợp với phương pháp khoa-học. Zen là một sản phẩm của nền văn-hóa Đông-phương, nhưng người Tây-phương rất ham thích. Vì thế chúng ta tin rằng: Zen có thể là một sợi giây nối liền, là một yếu-tố để dung hòa giữa 2 nền văn-hóa Đông-phương và Tây-phương ở hiện tại và sau này vậy.

*(Kỳ tiếp Zen và văn-hóa Á-châu)*

THÍCH THIÊN-ÂN

Đông-Kinh ngày 1-7-1962

(5) Câu này là do Giáo-sư Nguyễn Đăng - Thực dịch từ câu « East is East, West is West. Never the twain can meet », có đăng trong bộ sách « Văn-hóa Việt-Nam với Đông-Nam-Á của Giáo-sư do văn-hóa Á-Châu xuất-bản.

(6) « East is East, West is West. Both must have mutual understanding and contradiction For the progress of Human Cultur » ý kiến riêng của chúng tôi.

## HỘP THƯ :

Yêu cầu quý vị có tên dưới đây cho biết địa chỉ mới để gởi báo: L.S. Nguyễn-dình-Trị, Ô. Hoàng-hoa-Lê, Ô. Văn-công-Bảy, Ô. Nguyễn-văn-Trữ, T. S. Nguyễn-Tăng, H. S. Nguyễn-văn-Xuân, H. S. Nguyễn-xuân-Tự, Ô. Đình-xuân-Tát, Ô. Võ-văn-Thành, và Ô. Bùi-Tám.

Và những đại-lý nào còn Liên-Hoa từ số 1 đến số 5 năm Nhâm-dần (1962) vui lòng gởi về cho Tòa-soạn, vì những số ấy ở Tòa-soạn gần hết. Xin cảm ơn.

L.H.N.S.

# MÁCH THUỐC

Bác-sĩ Nguyễn-khoa Nam-Anh  
Y-Khoa Đại-Học PARIS  
213 Huỳnh-Thúc-Kháng - Huế

## **Ô. Nguyễn T. Tịch (Quảng-Trị)**

Ông có thể nghĩ tiêm và uống các thứ thuốc hiện ông đang dùng.  
Ông chữa theo phả này trong mỗi tháng :

1) GLYCOSTHÈNE 1.M. tiêm móng mỗi ngày một ống tiêm trong  
10 ngày nghĩ 10 ngày tiêm lại 10 ngày.

2) ZYMALIXIR uống một muỗng nhỏ trước mỗi buổi cơm ngày  
ba lần.

3) JUVÉNINE Uống mỗi buổi sáng 1 viên.

## **Ô. Bùi Trọng Tu KBC 4804**

— Đau lưng đã gần 10 năm.

— Khó thở.

Trả lời :

Ông nên tiêm mỗi ngày một ống SULFOÏODINE, tiêm 10 ngày  
từ đó tiêm hai ngày một lần, tiêm cho được cả thấy 20 ống thì nghĩ  
Uống SEDO - CARENA mỗi sáng 1 viên. Ông gắng kiếm cho được  
HYDROCORTISONE GOUTTES NASALES mà giở vào mũi thế cho  
thuốc PHINEX mà ông đã thường dùng.

## **Ô. T. N. Nghị Phước-Linh (Huế)**

1) Trị ghẻ cóc phải đất điện hoặc xoa VERRUCOLYSE.

2) Tóc gần ở xoáy bị rụng nên dùng BÉPANTHÈNE ROCHI  
(uống sáng 1 viên chiều 1 viên), tiêm NICOTAMIDE mỗi ngày 1 ống,  
vào móng hoặc 2 ngày 1 ống. Chữa cho được một thời gian lâu dài

3) Mụn ở mặt thì ông nên xem trả lời ở trong một số Liên  
Hoa trước.

## **Ô. N. Q. Việt (Quảng-Trị)**

Ông mười chín tuổi mà cao 1m56 phân thì tương đối chưa được  
cao lắm. Nhưng tuổi ông còn nhỏ ông còn có thể lớn lên được nữa.  
Không có thuốc gì uống để cho cao. Ông nên tập thể dục nhất là có  
vận dụng làm dân xoay xương sống ra (MOUVEMENTS D'EXTENSION)  
DU TRONC). Môn bơi lội cũng rất tốt.

Thường hay rứt rứt run sợ vì người lạ, hay hồi hộp, như vậy  
vì tinh thần yếu chứ tim không đau gì. Ông nên uống PERTRAN  
QUIL sáng 1 viên chiều 1 viên, uống trong 5 ngày thì nghĩ 10 ngày  
rồi uống lại như thế; nhưng chữa thuốc không lành bệnh này được  
ông phải tự luyện tập tinh thần cho được trấn tĩnh thì tốt hơn.

## **Ô. Võ Văn Trang (Quảng-Ngãi)**

— 61 tuổi, Phó Hội-trưởng Tỉnh-hội Phật-giáo Quảng-Ngãi.

— Mùa an cư năm 1960 theo học 3 tháng, hàng ngày lay gần 300 lay, tuần đầu cảm trạng bị lộn ruột.

— Bị bón nặng, nhưng bây giờ đã bớt song bệnh nặng ruột vẫn còn.

Trả lời:

— Đã lục tuần mà Cu lay mỗi ngày 300 cái trong 3 tháng tiếp thì tôi cũng xin bãi phục Cu.

— Bây giờ Cu nặng ruột thì chắc là ống tiêu hóa ở bụng bị sa trĩ, đi đứng, ăn uống cũng bị nặng ruột, Cu chữa như sau:

1) Trước khi ăn sáng uống 1 muỗng to BISMUTH DES LEAUX hòa trong 1/2 ve nước nguội.

2) Trước khi ăn cơm trưa và cơm tối độ 10 phút uống 1 viên SULFARLEM.

3) Sau cơm trưa và cơm tối uống 20 giọt mỗi lần thuốc AMPHOSYNTHYL hòa trong ít nước ăn xong nằm nghỉ một hai giờ cho khỏe.

#### Ô. T. V. Tri (Tuy-Hòa)

— Đau đã 10 năm, giữa chân thủy, mùa lạnh đau nhiều, ưa hơi được thì khỏe. Khâm điện Bắc-sĩ bảo dạ dày bị sa trĩ xuống cần phải mổ đem lên. Đã dùng thuốc nhiều, chỉ khỏi độ trong 1 tháng rồi tái phát lại.

Trả lời:

Ông không nói tuổi nhưng tôi chắc ông cũng đã trên 40 tuổi. Bệnh sa dạ dày một bệnh của người lớn tuổi, các cơ thịt của Bao-tử yếu mềm dần ra, ăn vào thì nặng bụng đầy hơi khó tiêu. Có thể mổ đem lên chỗ cũ, tiếng Pháp gọi là GASTROPEXIE. Nhưng mổ thì khó khăn, kết quả không bền bỉ, Bao-tử sẽ lại dần ra và sa trĩ xuống như khi chưa mổ.

Vậy khuyên ông theo cách chữa sau đây:

1) May một cái Gaine (như của phụ-nữ Âu-Mỹ thường dùng để làm thon bụng) mà mặc cho chặt, để đỡ dạ dày lên.

2) Ăn không ăn nhiều, mỗi bữa ăn 1 chén cơm. Trái lại ăn nhiều lần. Ví dụ 4, 5 lần trong 1 ngày để cho đủ sức khỏe mà vừa nhẹ bao-tử. Ăn xong nằm nghỉ một chặp lâu (độ một giờ) để cho cơm và đồ ăn ở dạ dày qua ruột được dễ dàng. Ăn cá, rau hơn ăn thịt.

3) Uống 1 viên ALUDROX (hoặc 1 muỗng to PHOSPHALUGEL) trước buổi cơm sáng. Sau cơm trưa và sau cơm tối uống mỗi lần 20 giọt hoặc 2 viên GÉNATROPINE (có thể thuốc nước hoặc thuốc viên).

#### Ô. V. Đ. H. (Nha-Trang)

Ăn chay trường có nên ăn tàu vị yểu mãi không? Không có hại gì, ông cứ tiếp tục dùng tàu vị yểu.

2) Thường bị bón, muốn uống mỗi tuần 1 lần BOLAX được không. Ông cứ dùng BOLAX cũng được. Song nên tìm cho ra nguyên nhân bệnh bón và nhất là nâng vận dụng thể thao thể dục.

# ĐẠI-LỢI

151, Trần-Hung-Đạo — HUẾ

Chuyên bán tạp phẩm kiêm  
nhà thầu vé số kiến thiết.

Chủ nhân

**Trần-Ngọc-Đợi**

Pháp danh: TÂM-THIỆT

## CHƯƠNG-LAN

ĐẠI LÝ:

Hãng BGI Bia nước Cam

★

Hãng xe Vận-tải

**ANH-MINH**

101, Huỳnh-thúc-Kháng — HUẾ

ĐẠI LÝ:

Xăng nhớt, Dầu  
Hãng ESSO

★

Hãng đáp ô tô xe bơi

**CHÂU-BÁ**

Tứ giác số 1 Bến xe

Trịnh - Minh - Thế — HUẾ

HÀNG - VẬN - TẢI

## TÀI-HUNG

Nhận thay khách hàng chuyển vận hàng hóa  
Bằng xe lửa trên đường SAIGON-ĐÀ-NẴNG-HUẾ  
Nhận thay khách hàng mua và bán hàng hóa

96, Đại lộ Khổng-Tử CHOLON

Điện Thoại 36961

62, Bến Bạch-Đàng ĐÀ-NẴNG

8, Tô Hiến Thành HUẾ

## HIỆU BUỒN NGHĨA - LỢI

41-48 — Trần Hưng-Đạo — ĐÀ-NẴNG



Vật - liệu kiến - trúc

Dụng cụ công nghệ

*Đại-diện phát hành:*

Máy khâu Singer và xe gắn máy Dimoby

## Hiệu Đại-lý BẢO - VÂN

76, NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG — Đà-Nẵng

Một hãng lớn ở Việt - Nam trên 50 năm



Bán các loại Xe hơi, Vespa, Xe gắn  
máy dầu và đủ các loại phụ tùng  
Sửa chữa xe hơi và xe có gắn máy.

## VỊ TRAI LÁ BỒ - ĐỀ

Ngon, bổ, hợp vệ-sinh. Dùng VỊ-TRAI LÁ BỒ-ĐỀ là ủng-hộ Phật-sự chung.

HƯƠNG BỒ-ĐỀ thơm tinh khiết, thích hợp sự cúng dường.

Tiêu thụ HƯƠNG BỒ-ĐỀ là giúp đỡ cho Phật-sự chung.

Sản xuất tại 71 đường Lam-sơn gần chùa Từ-Đàm

## TIN TỨC

**Hoạt động thường xuyên của ban Hoằng-pháp Giáo-hội Tăng-già Nam-Việt.** — Tại Phật-Học-Viện An-Quang mỗi sáng chủ-nhật đều có lớp Phật-pháp của Nam Nữ Sinh-viên; buổi chiều lớp Phật-pháp phổ-thông cho tất cả mọi người đều có thể tham dự.

Mỗi sáng chủ-nhật cũng có lớp Phật-pháp phổ-thông tại chùa Xá-Lợi và chùa Phổ-Quang (Phú-Nhượn) ngoài ra Ban Hoằng-pháp lần lượt tổ chức những buổi giảng lưu động vào những ngày thứ bảy chủ-nhật tại: Phật-Học-Đường Mỹ-Thọ, chùa Huệ-Lâm (Chợ-Lớn), chùa Pháp-Hội v.v... và Ban Hoằng-pháp đã triệu tập một Đại-hội Hoằng-pháp miền Nam trên 40 vị giảng-sư tham dự dưới sự chủ-tọa của Thượng-tạo Thích Thiện-Hòa và Đại-dức Thích Thiện-Định, vào ngày 1-8-62 tại Phật-Học-Viện An-Quang để kiểm thảo sự Hoằng-pháp trong thời gian qua và phân định công tác mới.

**Phật-học Nghĩa-trang Nam-Việt.** — Phật-học Nghĩa-trang Nam-Việt thiết lập tại vùng Bà-Quẹo, trên khu đất rộng một mẫu rưỡi, cách Sài Gòn 9 cây số.

Ban Giám-đốc và các tiểu ban đã cử xong, theo họa đồ của ban Giám-đốc thì Nghĩa-trang gồm có: Phật-điện, Tăng-xá, Từ-dường, Hậu-dường, Phòng-khách, Hồ-sen, Bồn-hoa v.v... Hiện nay ban Giám-đốc đang tích cực hoạt động.

**Quán-Âm điện tại Bệnh-viện Chợ-Rẫy.** — Quán-Âm điện tại Bệnh-viện Chợ-Rẫy đã

lập xong lối kiến-trúc rất tráng-lệ. Sự thành công rực rỡ này là nhờ sự ủng hộ của Hội Phật-học Nam-việt và nhất là sự tận tâm tận lực của Bác-sĩ Giám-đốc cùng ban Hưng-công. Giáo-sư điều khắc Lê-văn-Mậu đã được đồng bào Thủ-Đô và bệnh nhân tại Bệnh-viện Chợ-Rẫy tán-dương công-đức trong việc kiến-tạo tượng Quán-Âm Bồ-tát rất đẹp trong điện này.

Chúng tôi hy-vọng các Bệnh-viện trong nước sẽ được thiết lập Quán-Âm điện như Bệnh-viện Chợ-Rẫy, để cho bệnh nhân có nơi tu dưỡng tinh thần, hầu bớt phần đau-khổ trong khi bệnh hoạn.

**Cuộc du hành của Đạo-hữu Chánh-Trí.** — Đạo-hữu Chánh-Trí, đã khởi hành châu du thế-giới trưa ngày 12-7-62 hồi 2g.30 hành-trình ấn định như sau: Hương-cảng, Honolulu, Cury Kim-son, Hoa-thạnh-đốn. Tại đây, đạo-hữu Chánh-Trí sẽ lưu lại độ 2 tháng để tiếp xúc với các tổ chức Phật-giáo trên khắp nước Mỹ, thăm các cơ quan từ-thiện xã-hội, các Đại-học đường có dạy Triết-lý Phật-giáo và các Thư-viện có tàng trữ kinh điển Phật-giáo. Chuyển về, đạo-hữu Chánh-Trí sẽ từ Nữ-ước sang Luân-đôn, Stoc-kolm (Thụy-điền), Ba-ri, Bruxelles (Bi-quốc), Amsterdam (Hà-lan), Bonn (Tây-đức), La-mã (Ý-đại-lợi). Mỗi nơi Đạo-hữu sẽ liên lạc với các Hội Phật-giáo, tặng sách về Phật-giáo Việt-Nam và cố gây một phong trào Thanh-niên Phật-tử Thế-giới.

T. Q.



**Trại huấn - luyện.** — Nhân dịp hè, nhiều trại huấn - luyện đã được tổ - chức để đào tạo Huynh - trưởng. Riêng ở Thừa - Thiên đã mở được :

- 1 Trại Huynh-trưởng tập sự.
- 3 Trại Huynh-trưởng cấp I.
- 1 Trại Huynh-trưởng cấp II.
- 3 Trại Đội, Chủng - trường ngành Thiếu và Nam Phật-tử.

Các trại này đã thu hoạch được nhiều kết quả tốt đẹp.

**Ca Vũ Nhạc Kịch.** — Ban Hướng-Dẫn G.Đ.P.T. Thừa-Thiên, đã tổ-chức 4 đêm Ca Vũ Nhạc Kịch tại rạp Phú-Văn-Lâu và đã thu hút được một số đông khán-giả. Tinh-thần phục-vụ của các đoàn-sinh trong công-tác này đáng được tán thưởng.

**Lễ An-vị Phật tại Khuôn Thê-Chí-Đông.** — Ngày 5/8/62, vừa qua, Khuôn-hội Phật-giáo Thê-Chí-Đông đã tổ-chức một cách hết sức trọng-thê lễ rước tượng và An-vị Phật tại chùa Khuôn-hội. Đồng thời với lễ này, có cả lễ chính-thức hóa Gia-đình Phật-tử.

Ngày lễ đã có ảnh-hưởng rất lớn vào dân-chúng địa-phương.

## TIN THẾ GIỚI

**Đại-Đức Minh-Châu nhận chức giáo-sư của Nalanda.** — Thê theo sự yêu cầu của ông Viện-trưởng viện Nalanda, chánh-phủ tiểu bang Bihar đã mời Đại-Đức Minh-Châu làm giáo-sư thiết thọ cho Nalanda. Đại-Đức đã nhận lời và nhận chức kể từ niên khóa 1962-63 này.

**Đại tạng kinh Pali bằng chữ Devanāgarī.** — Ấn-loát vụ của Nalanda đã hoàn thành Đại tạng kinh Pali bằng chữ Devanāgarī (loại chữ Ấn). Và theo chương trình, Tục-tạng (các loại sách luận do các học-giả Phật-học biên tập Pali) cũng được tiếp tục in. Trong lời tựa của đại tạng do Đại-Đức Kashyap viết người ta thấy tên Đại-Đức Minh-Châu với sự tán thán của Đại-Đức (Kashyap) : Đại-Đức Minh-Châu là người đủ khả năng đã và sẽ làm tất công việc so sánh các bản kinh A-hàm bằng Pali và Hán-văn. Đại-tạng kinh Pali này so với các Tạng Pali của Thái-Lan, Tích-Lan, Miến-Điện v.v... đầy đủ và rõ ràng nhất. Lời tựa tổng quát của Đại-tạng do nhà học giả hữu danh S. Radhakrishnan, hiện là Tổng-Thống Ấn-Độ viết.

**Bản thờ Phật trong môi trường học.** — « Trước kia dưới thời thực-dân, ngoại đạo đã lập nhà thờ trong các trường - ọc để truyền-bá tôn-giáo của họ và cải biến tôn-giáo của trẻ con ». Đó là lời tuyên-bố của Giáo-sư Lionel Gunasekera trong dịp hội-hợp tại một trường học ở Kalawana, Tích-Lan.

« Tuy nhiên, ngày nay chính-phủ đã kiểm-soát trường học thì cũng nên thiết-lập bản thờ Phật hay là đặt tượng Phật để thờ Phật trong các trường học ».

**Biểu nhà ở đề làm nơi tham-thuyền.** — Bà I R. Quittner, một nữ Phật-tử người Anh, sau khi tập tham-thuyền ở Tích-Lai cách đây vài năm, đã rời Luân-Đôn về quê nhà ở Henham, cách

Luân-Đôn 40 cây số để sống ăn-dật tu-hành. Bà đã dành nhà riêng này để cho những nữ cư-sĩ Phật-tử và các Ni-cô dùng làm nơi thuyền-dịnh. Để khỏi sự, Bà đã mời nữ cư-sĩ người Nga Jhananda đến ở nhà Bà để thuyền-dịnh.

**Bồ-đề Đạo-tràng dang thiếu tài-chánh để kiến-thiết.**— Đại-hội đồng hàng năm lần thứ năm của Ban Quản-Trị Bồ-Đề Đạo-Tràng, đã quyết-dịnh yêu cầu các nước hội-viên địa-phương của tổ-chức Phật-giáo Thế-giới đóng góp tài-chánh để kiến-thiết Bồ-Đề Đạo-Tràng và phát-triển mọi tiện-nghi cho du-khách hành-hương. Đại-hội đã ủy-thác cho ông S. V. Sohoni viết thư đến các nước hội-viên để xin đa số tiền ủng-hộ.

**Lê đặt xây chùa tại Shan-tipura.**— Công việc đầu tiên của vị tân Tổng-Thống Tích-Lan, ông W. Gopallawa, là đặt đá để xây một ngôi chùa tại Shantipura. Trong dịp này ông đã tuyên-bổ: «Xứ sở đã thuộc về nhân-dân và bổn-phận của dân chúng là phải hợp-tác và hoạt-động để đem lại tiến-bộ cho nước nhà». Ông nói Shantipura sẽ là một địa-điểm lớn để thờ Phật.

**Kỷ-niệm ngày Phật-giáo truyền bá vào Mỹ-quốc.**— Năm nay là lễ kỷ-niệm đệ thập thất chu niên ngày Phật-giáo du nhập Mỹ-quốc. Các lãnh tụ Phật-giáo ở Nhật-Bản lưu ý đến lễ này và đã bàn luận về cách thức cử hành lễ. Tờ báo Nhật «Bukko Times» (Phật-giáo thời sự) cho biết là nhà học-già Daisetz Suzuki được cử làm chủ-tịch hội đồng soạn thảo.

Nghi lễ ở Mỹ-quốc sẽ được cử hành dưới sự bảo trợ của Viện Phật-giáo Nữ-ước vào tháng 10 năm nay. Ở Đông-kinh đã cử hành lễ kỷ-niệm vào tháng sáu vừa qua.

**Một chuyên viên vô tuyến điện muốn xuất-gia.**— Một nhân viên cao cấp trong ban giám-đốc vô tuyến điện Tích-Lan đã xin nghỉ 3 tháng được trả lương để tu hành. Ông nói đời sống này đầy dẫy cả lo âu và phiền phức. Ông muốn từ bỏ những vui thú và lo âu thế tục để sống một cuộc đời trầm tu mặc tưởng trong khung cảnh thanh tịnh của nhà chùa.

Ông ta là một viên chức có vợ con, vì vậy mới xin nghỉ phép dài hạn được hưởng lương để có thể nuôi gia đình trong khi tu tập. Đơn xin của ông đã được ông Tổng giám đốc vô-tuyến truyền-thanh chấp thuận. Đây là lần đầu tiên mà một nhân-viên cao cấp Tích-Lan đã xin nghỉ phép như vậy. Ở Điện-Điện, Thái-Lan, Cao-Mên, Lào, các nhân-viên cao cấp thường xin nghỉ phép để xuất-gia tạm thời như vậy. Trường hợp đặc biệt là ông U-Nu, cựu Thủ-tướng Điện-Điện đã xuất-gia nhiều lần.

**Cựu Thủ-tướng U-Nu Miên-Điện vẫn được sức khỏe.**— Ba Daw-Mya-Yee phu nhân cựu Thủ-tướng U-Nu cho biết là ông U-Nu vẫn được sức khỏe sau khi bị quân đội đảo chính giam giữ. Đây là lần đầu tiên Bà được phép vào thăm chồng bị an trí cùng 7 vị Bộ-trưởng và cựu Thủ-tướng trước kia U Win Maung tại một trại quân sự cách thủ-đô Rangoon 15 cây số.